

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : **VŨ ĐÌNH HOE**

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|------------------------------|
| — Những nghề tự do | VŨ ĐÌNH HOE |
| — Nhận xét nhỏ về dân quê Bắc-kỳ (Tiếp theo) | TÂN PHONG |
| — Quyền hạn của Lập pháp viện | PHAN ANH |
| — Nhân một câu truyện về nghệ thuật — Cái « hiếm » có đáng quý không ? | NGUYỄN ĐỖ CUNG |
| — Sử liên : Sử ta so với sử Tàu | Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỔ |
| — Những cuộc khởi nghĩa về thời Bắc thuộc | LÊ ĐÌNH CHÂN dịch |
| — Truyện ngắn : Lá thư (Nguyên Anh văn của Somerset Maugham) | LÊ ĐOÃN VỸ dịch |
| — Danh văn ngoại quốc : Tu viện (Nguyên văn của Anatole France) | TRỌNG ĐỨC |
| — Mỗi tháng : Trích thuật sách báo | |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 90 — NGÀY 4 NOVEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DÀ HANOI * Giá nôi : 19.43 * GIÁ

0 980

GIÁ BÁO. — BAC-KỲ, TRUNG-KỲ, NAM-KỲ, CAO-MIÊN, LÃO 3 th 9\$00, 6 th 18\$00, 12 th 36\$00

NHỮNG NGHE TỰ DO

VŨ ĐÌNH HÒE

Trong một số trước (1) tôi đã nói đến Sinh-kê, cái điều-kiện thiết-thực để lập chí và giữ vững chí. Vấn đề thật gay go cho bọn trí-thức. Trong việc mưu sinh, kẻ có chí phải chọn một trong hai đường: « soay » lấy một sinh-kê tự lập, nhưng nó phải giải quyết được chuyện sinh sống cho ổn thỏa — hoặc mưu sinh trong vòng cương tỏa thì lúc nào cũng phải sẵn sàng phòng bị những sự trắc trở. Hoạt động theo lối sau, ta được hưởng một đời sống vật chất an-nhàn, vì con đường đã vạch sẵn, . . . Theo lối trên thì tránh được sự nguy hiểm tinh thần ấy, nhưng thế chất lại phải vật lộn với những gian lao có thể làm kiệt quệ cả sinh-lực.

Hoạt động theo lối trên tức là làm một nghề « kiêm ăn » thuộc các loại mà người ta gọi là: « Những nghề tự do ».

Nếu những nghề ấy có nhiều và nuôi sống được dễ dàng thì lẽ muôn lập chí còn phải lo gì nữa, trong việc mưu-sinh?

Nhưng thực ra những nghề tự do trong xứ ta hiện ở vào tình cảnh thế nào? — Tình cảnh ấy gây bởi những nguyên-nhân gì? — Có những phương sách gì để làm tăng sức phát triển của nó?

Đó là đầu đề câu chuyện hôm nay tôi muốn cùng bạn với các bạn,

« Nghề tự do » (professions libérales) là một danh-từ dùng đối với « nghề làm công-chức » (fonctionariat). Người ta dùng nó trong trường hợp mà một kẻ có đủ điều kiện kiếm việc làm trong công sở nhưng hoạt động « ở ngoài » để mưu sinh.

Hiện trong xứ ta có những nghề tự do nào? Mỗi nghề gồm được bao nhiêu người? Xét về số người, trọng mỗi nghề, có những nghề nào quan trọng? Những nghề ấy có đủ nuôi sống được không?

Ta có thể chia « những nghề tự do » trong đó đã có những thanh-niên trí thức hoạt động làm 4 loại:

1) Có những nghề cần đến một sức học chuyên môn cao cấp như nghề trạng sư, thầy thuốc, bảo-chê, kiến-trúc sư...

2) Có những nghề không cần đến sức học ấy mà chỉ cần đến vốn như buôn bán, lập xưởng công nghệ, thầu khoán, làm trại, ấp hay đồn điền...

3) Có những nghề vừa cần đến sức học chuyên môn lại vừa cần đến vốn: lập một nhà máy điện một lò nấu gang hay một lò làm đồ gốm, v.v.

4) Có những nghề không cần đến học chuyên môn mà cũng không cần đến vốn.

(1) T.N. số 34, bài: « Sinh-kê và chí-khi »

Hầu loại trên hẳn là không gộp được bao lẫn người. Số thanh niên Việt-Nam tốt nghiệp ở các trường cao học đông-dương mỗi năm chỉ tới một trăm là nhiều : trừ những người « đi làm nhà nước » thì còn lại được bao nhiêu ? Vì vậy đến nay trong cả ba kỳ, ta cứ tính cho là có 30 trạng sư, 30 được sĩ mở cửa hàng riêng, 100 y khoa bác sĩ làm tư, 20 kiền trù sư « ở ngoài » chắc cũng không sai sự thực mấy ! Còn những thanh niên trí thức có thể đi làm công sở mà lại ở nhà, soạn văn mở hàng cơm, nuôi gà vịt, lập xưởng in v.v., ta thử nhìn chung quanh ta mà tính đốt ngón tay xem được bao nhiêu vị. Những nghề trong loại thứ ba, cần cả đến vốn lẫn tài chuyên môn tất nhiên lại càng lòi cuồn được rất ít người vào hàng ngũ thừa thớt. Cả Đông-dương may lắm có nhẽ được 5 người.

Chỉ còn trông vào loại thứ tư : Có những nghề nào không cần đến học chuyên môn và không cần đến vốn ? Không kể nghề làm công cho các sở tư nó chẳng khác gì nghề làm việc nhà nước về tính thân mà còn kém nhiều quyền lợi về vật chất còn nhẽ chỉ có hai nghề đáng để ta chú ý là nghề *đạy học tư* và nghề viết văn.

Theo số thông kê của chính phủ thì năm 1940 có 3.004 ông giáo trường tư. Số nhà văn, (làm báo, viết sách) không biết rõ nhưng ta có thể đoán phỏng chừng theo số sách và báo chí xuất bản. Năm 1940 sách quốc ngữ in ra được hơn 500 cuốn và báo chí có hơn 100 tờ, cứ tính một tác giả viết được chung bình 2 cuốn sách trong một năm và mỗi tờ báo chỉ cần đến 5 bìa bút nhà nghề thì số nhà văn không quá 750 người. Dem tổng cộng số thanh niên trí thức làm nghề tự do trong cả bốn loại có nhẽ chỉ tới con số 5000 người là cùng lắm. Nếu so con số ấy với tổng số công chức là 25.000

người thì ta thấy sự hoạt động về nghề tự do quả hẳn còn nhỏ hẹp lắm.

Tình cảnh những nghề tự do ấy thế nào ?

Ta không cần nói đến những nghề thuộc loại thứ ba ví những người hoạt động hiem quá, và có thể coi năm là không có, chỉ có những nghề thuộc loại đầu, những nghề cầu đến tài chuyên môn đã được huấn luyện đến bậc thật cao, là dành được những địa vị khá quan, nhiều khi cao quý và lợi lộc trong hiện tại xã hội. Nhưng vì cần sự huấn luyện lâu năm và tốn kém nên những nghề này không thể mở rộng cho nhiều người được số người hoạt động hiện nay chẵn không quá 200.

Những người làm các công việc kinh doanh (loại 2) là những người phải gặp nhiều khó khăn và gian lao nhất. Trước hết soay được vốn là một chuyện thiem nan vạn nan, sau nữa về ngành nào họ cũng bở ngỡ thieu kinh nghiệm của người trước và thieu huấn luyện cho riêng mình. Vì vậy sự thành công to tát chưa thấy có (không kể sự kinh doanh ngoài pháp luật trong thời kỳ chiến tranh !) tuy nhiên người ta có thể hi vọng nhiều về tương lai của bọn người này được nhờ ở tinh thần làm việc mới và sự kiên gan của họ.

Sau hết ta xét tới hai « nghề tự do » quan trọng nhất vì số người hoạt động : nghề viết văn và nghề dạy học tư. Nghề trên bạc bẽo quá ; bạn Phan Anh đã nói tới tình cảnh con nhà văn trong số trước rút lại chỉ còn nghề dạy học tư là cái nghề độc nhất có thể cung cấp được cơm áo cho một ai có chút học vấn ở bất kỳ bậc nào và chỉ có cái « dùm » học văn ấy làm tất cả vốn liếng trong việc kiếm ăn. Từ kẻ thư-sinh sửa soạn hội « rồng mây »

(Xem tiếp trang 27)

DÂN QUÊ BẮC-KY⁽¹⁾

TAN PHONG

(Tiếp theo)

Mỗi khi bàn đến việc cai-trị một xã, một tỉnh hay một sử người ta đều phân biệt hai thứ quyền : quyền thảo luận và quyết định cũng quyền lãnh-chính hay là quyền thi-hành những điều quyết-định.

. ngoài những kỳ-mục, những người có chân trong cơ-quan cai-trị hàng-xã, làng nào cũng có những lý-dịch vẫn gọi là người thừa-hành của hàng xã hay là người giữ việc liên-lạc giữa làng và chính-quyền trung-ương, đó là những viên lý-trưởng, phó-lý, chương-bạ, thư-ký, thủ-quý, hộ-lại cùng trương tuần hay mục-tuần. Mỗi viên ấy là một « người đàn anh », có danh vọng trong làng ; vì thế nên dân-quê, khi làm ăn đã « mát mặt » tranh nhau để được cử vào một chân đó, tuy rằng hầu khắp các chức-dịch trong làng làm việc đều không có lương hay chỉ được một số ruộng phụ-cấp ít ỏi không đáng kể.

Một hằng có rằng dân quê rất trọng những danh-từ và địa-vị của lý-dịch là ở làng nào ngoài những lý-dịch đơng làm việc hay đã mãn khóa cũng còn những « lý-dịch mua » là những người đã bỏ vào công quỹ một số tiền và đã thiết dân làng một bữa ăn để được có ngôi thứ ngang với các lý-dịch. Giá ngoài những lý-dịch hiện có, người ta còn đặt ra nhiều chức dịch khác với những tên mới mẻ nữa thì những chân mới đặt ra ấy cũng vẫn được trọng vọng, đòi hỏi, một cách sốt sắng và đặt đở chắt, kém gì bây giờ.

Nhưng không phải vì thế mà trong làng có nhiều người gáp vào việc cai-trị đâu. Làng nào cũng vô số những « ông lý », « ông phó », « ông mục », « ông xã ».. nhưng khi có một

công việc gì ích chung mà cần phải giao phó để làm cho tiếp-tục hay trông nom cho cẩn-thận, thì thật khó lòng tìm được người chịu đứng ra để công đáng.

Trước hết ta không thể trông nom vào những viên kỳ-mục có chân trong hội đồng hàng xã, vì chức vụ của họ là thảo luận và quyết định chứ không phải là thừa hành những mệnh lệnh đã công bố ; về chỗ này họ rất hiểu quyền-lợi của họ. Ta cũng không thể đợi đến sự giúp việc của những viên cựu dịch (thường thường cũng vừa là kỳ mục đã có chân trong hội đồng hàng xã) vì sau bao nhiêu năm làm việc, họ không muốn bị « phiền nhiễu » nữa. Nhẽ cố nhiên thì những lý dịch mua không có trách-nhiệm gì về công việc trong dân : đã mất tiền mua và mất tiền khao theo tục-lệ thì họ được hưởng đủ quyền-lợi và ngôi thứ lý-dịch nhưng chẳng có bổn-phận gì cả.

Trong hàng lý-dịch tại-chức thì những viên chương-bạ, hộ-lại, thư-ký, thủ-quý, trương-tuần đã có công việc nhất định là giữ sổ điền bộ, sổ hộ-tịch, công-văn của làng cũng là giữ việc canh-phòng và giữ-tiền công ; họ không muốn ra ngoài cái chức-vụ nhất định ấy. Đáng lý thì những viên lý-trưởng và phó-lý phải là người thừa-hành những điều quyết nghị của hội-đồng hàng xã : nhưng thật ra thì họ là những tay sai đắc lực của chính-quyền trung-ương hơn là viên-chức của hàng xã : với những việc thu thuế, thu thuế, khai-trình về các việc kinh-tế và xã-hội, thi hành án-tử và mệnh lệnh của quan địa-phương, những viên lý-trưởng phải đi lại luôn ở phủ-lỵ hay huyện-lỵ, không còn có thì giờ để săn sóc đến việc trong làng. Còn công việc chính của viên phó lý là coi về việc tuần-phòng, phu tráng ; tuy có nhiều thì giờ hơn nhưng giữ một địa-vị

(1) Xem T. N. số 82, 84 và 88

phụ thuộc viên rầy, kẻ ông có đủ uy quyền để điều khiển công việc hàng xã.

Vì thiếu người có trách-nhiệm và có đủ uy quyền để thi hành nên mỗi khi muốn làm việc gì người ta phải khéo dàn xếp để tìm một người « đàn anh » chịu nhận đứng ra để trông nom, mà tìm được người như thế rất khó, nên thường thường người ta phải chia công việc về cho thôn xóm hay họ. Đó là một cách rất có hiệu quả để tri hoãn sự thi hành hay là để chôn sống điều quyết nghị của cơ quan chính thức hàng xã.

Muốn đắp một con đường ư ? Quyết định năm nay nhưng có nhờ rồi một hai năm sau mới làm xong, mỗi họ, mỗi thôn, mỗi gia đình ung dung tiền lúc nào thì làm lúc ấy. Muốn đào một giếng nước ăn ư ? Nếu người khởi xướng ra việc đó không cam đảm đứng ra mà đốc thúc người làm thì dân làng cứ chịu khó ăn nước ao mả. Hội đồng hàng xã đặt lệ cấm đồ rác ra đường cái ư ? Nếu không sẵn có một mối liêm từ rặng từ trước, thì không có một chức dịch nào thấy mình có trách nhiệm là ngăn cản hay trừng phạt người làm trái lệ ấy cả.

Ta cũng cần phải biết thêm rằng thi hành lệ luật cũng làm công việc ích chung trong làng còn gặp một trở ngại lớn nữa : là sự liên lạc họ hàng giữa người làm việc và người trong làng.

Đo đạc một tên cùng đình khác họ để bắt phải đóng tiền vào công quỹ thì được, chứ đo đạc thúc một người họ xa để bắt đóng cùng một thuế thuế ấy là một việc mà rất ít chức dịch ở thôn quê dám làm. Ta có thể thấy vì một mối tư-tì là một viên lý, phó trưởng hay trưởng tuần bắt chối trái phép một người họ khác đã trái lệ làng về một việc cần con, nhưng ta không thể thấy chức dịch « lập biên bản » để đưa ra đình hay giải xuống quan một ông chú, một người anh em họ tên nội hay bên ngoại, đầu người đó đã phạm vào tội do hình luật trừng phạt.

Cái tình thân đại gia tộc ở xứ này đã diệt mất hẳn cái tình thân cộng đồng. Mà nói như thế tức là

nói rằng chỉ họ hàng ở thôn quê đã làm cho ta liệt bản bộ máy cai trị của làng tự nó đặt đã không được khỏe gì. Số là ở trong làng thường thường cần phải thuộc về một họ to thì mới có đủ « vây cánh » để tranh nổi một chân chức-dịch ; thế mà họ đã to, anh em chú bác, cô dì đã nhiều thì « há miệng mắc quai », chức-dịch lại càng phải cai trị đất ít và càng phải « làm ngơ » mỗi khi có người không tuân theo lệ-nghách họ đã đặt ra hay họ phải đem thi-hành.

★

Một đạo dụ ngày 23 Mai 1941 có ý bỏ khuyết vào những chỗ khuyết-diêm trong việc cai-trị, các làng bằng cách tập trung quyền hành vào một hội-dồng kỳ mục độc-nhất và bằng cách bãi bỏ lệ bầu cử những nhân-viên hội-dồng kỳ-mục.

Từ khi ban-hành đạo dụ ấy, những người quá 25 tuổi, đủ điều kiện do luật-pháp định sẵn (về văn-bằng, phạm-hàm, chức vụ trong các công sở hay trong tổng, trong xã, v.v.) thì có quyền dự vào hội-dồng kỳ mục ; những chức chánh phó hội-dồng thì nhất định giao cho tiện-từ-ử-cử là những người đứng đầu hàng kỳ-mục, khi những người đó từ chối thì mới giao cho những người đứng dưới họ trong ngôi-thứ hàng xã. Sự cải cách ấy

. sau ba năm thực-hành ta phải công nhận rằng nó đã có hai cái kết-quả không phải là nhỏ.

Thứ nhất là dân quê mất bớt dịp để tranh dành, kiện cáo và bán cả sản nghiệp để chạy chọt từ làng, cho tới phủ huyện và tỉnh. Ngày xưa mỗi khi bầu những châu chánh phó cùng nhân viên hương hội, là một dịp để trong làng chia ra đảng phái kinh dịch cùng nhau và là một dịp để người ta bỏ tiền ra mua bán vé bầu, xin duyệt-y biên bản, lĩnh bằng, lĩnh triện v. v.

. Đó là một điều lợi, mà ta không nên bỏ qua mà trong tình thế bây giờ thì rằng điều lợi ấy cũng đủ bảo-chừa cho lối kén chọn « tự động » do đạo dụ ngày 23 Mai 1941 đặt ra.

(Xem tiếp trang 26)

QUYỀN HẠN CỦA LẬP PHÁP VIỆN

PHAN ANH,

Xét về phương-diện tổ-chức (Xem T. Ng. số 33) thì Lập Pháp Viện chỉ là một cơ-quan của một chính đảng, nhưng đứng về phương-diện quyền hành, Lập Pháp Viện có tất cả những quyền-lực của một nghị-viện dân-chủ chính-thức.

Điều 27 của đạo-luật tổ chức Dân-quốc chính phủ nói : « *Lập Pháp Viện hữu nghị quyết pháp luật án, dự toán án, đại xá án, tuyền chiến án, giảng hòa án cấp kỳ tha trọng giám quốc tế sự hạng chi chức quyền* ».

Cứ theo đó, ta có thể chia chức quyền của Lập Pháp Viện làm ba thứ : *lập pháp quyền, tài chính quyền và ngoại-giao quyền*.

Lập pháp quyền. — Quyền làm luật là quyền quan-trọng nhất của Viện. Quyền này có thể chia ra làm mấy giai đoạn : *sáng chế và ta chính, thảo luận và nghị quyết*.

Sáng chế một đạo luật tức là khởi thảo dự án đưa ra trình ở Viện. Về quyền sáng-chế này Lập Pháp Viện không có độc-quyền. Cũng như ở các nước dân-chủ ngày nay, cơ-quan hành-chính Trung Hoa cũng có quyền sáng-chế. Ngoài Hành chính viện, các viện khác cũng có quyền đề-nghị những dự án thuộc về lĩnh-vực của mình. (Xem điều 24, 40, 44 và 52 của đạo luật tổ-chức quốc dân chính-phủ)

Trong Lập Pháp Viện, thì bất cứ ủy-viên nào cũng có quyền đề-nghị dự án về bất cứ vấn đề gì. Mỗi đề nghị phải kèm theo một bản giải bày lý do và phải có tên tác-giả ký vào. Ngoài tác-giả, lại còn phải có ít nhất là bốn ủy-viên khác cũng ký vào. Đủ điều kiện ấy thì bản đề nghị mới được đưa ra Viện thảo luận. (Điều 19 Quy-tắc nghị sự)

Xét quyền sáng-chế kể trên này, ta có thể nhận thấy hai đặc-diểm đáng chú ý. Đặc-diểm thứ nhất là nhà lập hiến Trung-hoa đã dung hòa hai chế-độ : chế độ cá nhân chuyên chế trong đó chỉ có quốc trưởng là có quyền sáng chế pháp luật và chế độ hội nghị chuyên chế trong đó chỉ nghị Viện là có quyền ấy ; Hiến pháp Trung-hoa ủy quyền sáng chế cho nhiều cơ quan : đó cũng là kết quả của những thí nghiệm đương thời của các nước dân chủ ở Âu-Mỹ. Đặc-diểm thứ hai là nhà lập hiến Trung-hoa rất thận trọng đối với việc đề-nghị một đạo dự án. Một ủy viên đề-nghị chưa đủ, phải ít ra là 4 ủy viên khác nữa ký vào thì dự án mới được đưa ra thảo luận. Như thế là đề phòng những cuộc thảo luận vô ích về những ý kiến nông nổi.

Những dự án hoặc của các Viện khác đề xuất hoặc của ủy viên khởi xướng, đều có thể bị Lập Pháp Viện đem ra sửa đổi lại : đó là quyền tu chính của Viện (droit d'amendement).

Nhưng muốn tu chính, Viện phải thảo luận. Về quy tắc thảo-luận, ta cũng nhận thấy nhà lập pháp Trung-hoa cố sức tránh những cái tệ đoan thường có ở những nghị trường, là những cuộc cãi vã hỗn độn, làm tổn phí thời gian và phạm đến thanh thế của nghị viện.

Thí dụ điều 30, 31 của bản quy tắc nghị sự điều 52, 53 nói về quyền phát ngôn, điều, 60, 61, 62 rói về trật tự và kỷ luật ở viện trường : những quy tắc ấy tuy thuộc về chi tiết, nhưng rất cần cho những người chưa có kinh nghiệm.

(Xem tiếp trang 25)

Cái « HIEM » có đang quý không ?

Họa-sĩ NGUYỄN ĐỔ CUNG

Có một hôm đêm ba anh em ngồi nói chuyện. Một anh kể : có một người mua tranh của một họa sĩ, không ngờ một hôm đến chơi nhà bạn cũng thấy một bức giống hệt như vậy. Hai bức cùng của một họa-sĩ vẽ và bán. Không hẹn mà nên, hai người lại cũng gặp nhau ở nhà ông họa-sĩ « quý-hóa », vì cùng mang tranh lại trả.

Tôi không nhớ là tranh đó, của họa-sĩ nào (tôi mới nghe lần đầu và không cố tình nhớ) điều đó không quan-hệ, nhưng tôi tự hỏi : không hiểu người ta chơi tranh vì một lẽ gì ? Tuy sự mông trả lại tranh này không làm tôi ngạc-nhiên.

Nhưng nếu một họa-sĩ « đáng đắt », vẽ xong một bức, lại tự-nhiên có một cái thích thành-thực muốn thử vẽ lại một cái mới, đúng như cái cũ. Thử, vẽ trong một lúc rất yên-tĩnh, không còn một long bổng-bộ của cảm hứng say sưa lúc vẽ bức tranh đầu, là một cuộc thử thách gay-go tài-nghệ của mình đáng quý lắm chứ sao ? Vẽ xong hai bức mất rồi, lại không có quyền bán cả hai hay sao ? Người ta còn bán cả những bức vẽ phác mà vẫn được công-nhận là một hành-vi rất đáng-đắn !

Còn người mua, vì lẽ gì mà mua ? Tất nhiên không phải chỉ vì thích bức tranh đó. Nếu thích thực tôi tưởng người ta không chịu mang trả lại, nghĩa là rời bức tranh ra ; trái lại còn có thể mua luôn luôn xem cả hai, để so-sánh và tìm hiểu. Nhưng đó lại là một chuyện khác.

Vậy thì vì lẽ gì ? Vì lẽ gì mà mua rồi lại trả ?

— « Vì người ta đã bị lừa ! (Anh bạn kể chuyện trả lời) người ta yên-trí rằng bức tranh của người ta mua quý, vì chỉ có một »

Câu nói làm tôi nhớ lại câu, « Ta yếu cái gì chỉ có một ». Quý không phải ở Đẹp, quý ở HIEM nữa.

Tôi lại xin kể một câu chuyện đã nghe lỏm được. Câu chuyện này cũng như câu chuyện tôi vừa kể, xếp đặt có một chút ý-nghị « văn-chương », một thứ măm mười người ta dùng để làm đậm nhiều thứ chuyện : một nhà triệu-phủ bên Mỹ chơi tem, rất quý một con tem, vì ông ta yên-trí rằng trên thế

giới này không thể đào đâu ra một con tem nữa như vậy. Trên bì thư ông-tư-tục cuộc triển-lãm tem, con tem đó đã được chụp, in lên báo Mỹ. Một báo Âu đáp lại : con tem thứ hai cũng của một nhà triệu-phủ bên này ! Nhà triệu-phủ Mỹ lập tức thưởng-lương để mua con tem lạc-loài đó ; nhưng vô hiệu. Ông liền tức khế mở một ngân-hàng bên Âu-châu để cạnh-tranh với nhà triệu-phủ Âu và cuối cùng làm cho ông này siêng-liêng. Sau mười mấy năm trời, cuộc thưởng-lương mua tem vô hiệu quả. Nhà triệu-phủ Mỹ với đi đầu boy sang để trả tiền, tất-nhiên bằng giá rất đắt, lấy con tem, đánh điểm đốt con tem mà thôi... phù .

Nhưng nếu vô-số bức tranh mà các họa-sĩ đã vẽ cả « tâm hồn, hoài-bão, tư-tưởng, tình-trái, tài-năng » của mình đào để cần tạo nên, số-đĩ bán được nhiều tiền chỉ vì soán một lẽ, lẽ chính : là những vật chỉ có một, thì thật chẳng vinh-dự gì cho những ai đã « hi-sinh » đời mình cho nghệ-thuật.

Biết làm thế nào ? Phần nhiều các họa - sĩ là những người chỉ vì cái Đẹp mà tận-lực, làm một bức tranh còn chưa được thỏa mãn, còn dư lực đầu mà mong cái chuyện thành nhiều.

Duy chỉ lạ cho một số họa-sĩ lại « thành thực » cho tranh của mình cũng quý ở chỗ HIEM. THẬT chỉ có những người, mà tôi rất trọng về tài, đã dùng máy để in tranh mình mà cũng vô-linh có một định-ý quái-gở chỉ in một số rất ít để bán rất đắt, cho những ai... tri-ký

Biết nói vậy mà hiện giờ chính trong đời tình-cảm của tôi, tôi dùng một thứ đồ dùng mà biết là HIEM, ăn một thứ đồ ăn mà người khác không ăn thì thực quả thấy thú-vị hơn những món thường, là tại làm sao ? Có lẽ tôi không phải là một người sành dùng, tôi cũng chưa phải là một người sành ăn ; xong cái bi - kịch tâm - lý « thành-thực thích những vật hiếm » vẫn còn ở chỗ đó.

(Xem tiếp trang 24)

Những cuộc khởi nghĩa trong thời Bắc thuộc

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỎ

(tiếp theo)

Sau khi nhà Triệu mất (khoảng năm 248 sau T.-C.), dân ta lại bị một hồi khổ-sở ở trong vòng Bắc-thuộc. Lúc ấy đã có những câu than thở rằng : «Thương thay ! thân phận con rùa ! trên đỉnh hạc cư, dưới chùa đội bia », và câu « Cóc kêu dưới vũng tre ngâm, cóc kêu mặt cóc, tre dầm mặt tre » !

Thú mục ở Tàu sang, phần nhiều tham-những độc-ác, kẻ thì đem một đấu muối đổi một con trâu, kẻ thì lấy một con bò giả mồi học lúa, nhân-dân không chịu nổi nên thốt ra những câu như thế. Đời nào cũng vậy sức đè nếm càng nặng bao nhiêu, thì sức phản động lại càng mạnh thêm lên bấy nhiêu, cho nên có Tô-định bị dân ta oán, thì Hai Bà xưng vương ; có Tiêu-Tư làm mất lòng dân, thì Lý Nam-đế lập quốc.

Nam - đế họ Lý tên Bí hoặc Bôn, tiên tổ là người Tàu, về cuối đời Tây-Hà, tránh loạn sang ở Giao, Giao, đến Lý Bí là bảy đời ở đất Nam, thành ra người Nam, đời đời là nhà hào-hữu, nên lòng dân, qui phục. Lý Bí có tài văn võ, làm quan với nhà Lương, coi quận Cửu-đức, bất đắc chí về ở Thái bình. Lúc bấy giờ có một người giỏi từ-chương tên là Tinh-Thiền, đến dự tuyển đề cầu làm quan, Lại-bộ thượng-thư của nhà Lương là Thái-Tồn cho Tinh-Thiền không phải là dòng dõi nhà quan, bỗ chức Quảng-dương môn lang. Tinh Thiền lấy làm xấu hổ, về làng ở, cùng với Lý-Bí mưu việc khởi nghĩa. Vừa gặp thứ sử châu Giao là Tiêu Tư, tham những độc ác mất lòng dân. Hai người khởi binh để đánh có tù trưởng Cau Diên là Triệu Túc cũng đem quân theo, rồi liên kết với

châu, hào kiệt hưởng ứng. Tiêu Tư nghe tiếng, đem của nộp Lý-Bí, rồi chạy về Quảng-Châu. Lý Bí vào giữ thành Long-biên, (*Khâm-định Việt-sử* q. 4, tờ 1 a và b).

Việc ấy vào năm Tân-dậu (541 sau T.C.) tức năm thứ 7 hiệu Đại-đồng nhà Lương, tính từ năm Hai Bà-Trung mất nước đã 498 năm, Trong năm thời kỳ Bắc-thuộc, thời kỳ này lâu hơn cả.

Sang năm sau (542 sau T. C.) Lương Vũ-đế sai Lý-tử-Hùng là thứ-sử châu Tân và Tôn-Quỳnh là thứ-sử châu Giao, đem quân sang đánh. Lúc ấy khi làm chớm mùa xuân mới dậy, Tử-Hùng xin đợi đến mùa thu hãy đánh, thứ-sử Châu-quảng là Tân-du-hầu Tiêu-Anh không nghe, Vũ-lâm-hầu là Tiêu-Tư lại thúc dục. Tử-Hùng bất đắc dĩ phải tiến quân, đi đến Hợp-Puố, thì quân mồi piền chết đến sáu bảy, thế là quân bị vỡ rồi về.

Tiêu-Tư lại tâu với Vua Lương rằng : «Tử-Hùng và Tôn-Quỳnh giao thông với giặc, nên dùng dằng không chịu tiến quân» : hai người đều bị xử-tử ở Giao-quảng, (*Đại-việt sử-ký, tiền-biên* q. 5, tờ 1 b).

Đến năm sau nữa (543 sau T. C.), vua Lâm-áp đem quân xâm chiến Nhật nam, Lý-Bí sai tướng võ là Phạm-Tu đánh phá được ở Cửu-đức, Vua Lâm-áp thua chạy (*Đại-việt sử-ký, q. 1, tờ 2 a*).

Thế là từ năm 541, Lý-Bí vào giữ thành Long-biên, trong ba năm giữ, đánh đầu được bảy : năm thứ nhất đuổi Tiêu-Tư về châu Quảng, năm thứ hai làm cho Tử-Hùng, Tôn-Quỳnh bị thua, năm thứ ba đánh vua Lâm-áp phải chạy. Nên

đến nửa xuân năm Giáp-tý (545 sau T. C.) Lý Bĩ xưng Nam-việt-đế, đặt niên hiệu là Thiên-đức (nước ta đặt ra niên hiệu bắt đầu từ đây); gọi tên nước là Vạn-xuân, có ý mong cho ngôi nước được muôn đời; dựng điện Vạn-xuân, để làm nơi triều hội, *Đại-việt Sử-ký* tiền-biên và toàn thư, đều chép là điện Vạn-thọ; đặt trăm quan, cho Triệu Túc làm Thái-phó, Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm-Tu làm tướng võ. (*Khâm-định Việt-sử* q. 4, tờ 2 b và 3 a). Người Nam mà làm vua nước Nam, Lý-Bĩ thực là một người xây nền độc-lập cho nước Nam muôn nghìn năm sau này.

Nhưng mà nhà Lương vẫn nghĩ cách để thôn tính miền nam, nên đến năm sau lại sai Dương-Liêu và Trần-bá-Tiên sang nước ta. Bá-Tiên là người kiêu dũng hơn người, Nam-đế không địch nổi, lui về Gia-ninh, quân Lương đuổi theo đến vậy, Nam-đế lại chạy về Tân-xương, đóng đồn ở hồ Điền-triệt, muốn giữ hiềm để cho quân giặc mỏi mệt, rồi mới ra đánh. Quân Lương đã sợ, đóng cả ở cửa hồ, không dám tiến lên. Chẳng may có một đêm nước sông lên mạnh, chảy giót vào trong hồ Bá-Tiên đem quân bản bộ, theo dòng nước chảy tiến trước, quân Lương hò reo mà vào. Nam-đế không phòng bị thua to, lui giữ trong (cung Khuất-lão (?) giao tả tướng-quân Triệu - Quang Phục giữ nước, điều-khiển quân lính để chống nhau với Bá-Tiên (*Đại-việt sử-ký cải-lương* tờ 36 a và b).

Gác nhà làm sử khê Lý Nam-Đế là người anh hùng biết thừa thừa. Nguyễn - đình - Tuấn làm *Đại-Việt sử-ký cải lương*, có lời bình - luận rằng: « Trung-Vương có thể gọi là tự-chủ, nhưng ba năm ở Mỹ-linh; quy mô chưa đủ. Đến như Lý-Bĩ, đóng đô ở Long-biên, đặt tên nước là Vạn-Xuân, gọi hiệu Vua là Thiên-đức, dựng ra cung-điện để khi triều hội tỏ nơi có sở, đặt ra bách quan mà tướng văn tướng võ có người, quy-mô lập quốc, có thể gọi là gần đủ mưu-lược rộng xa của đế-vương. Về sau số-đội phải chạy về Khuất-lão, là vì quân ít, không địch nổi với quân nhiều; chỗ nên lấy chỗ đó là khái luận anh-hùng. Vua Tự

đức phê ở sử *Khâm-định* rằng: « Lý Nam-đế tuy sức không địch nổi, nên việc không thành; nhưng biết thừa thừa quật khởi, tự làm vua nước mình, cũng đủ làm tiên-thánh cho nhà Đinh là Lý, há chẳng tốt lắm ru! » Một chữ khen như mặc áo ba-côn. Ông Lý-Bĩ có thiêng, sẽ nói rằng: « Người phê câu ấy là người tri-kỷ nghìn thu » (*Đại-Việt sử-ký, cải lương*, tờ 37b và 38a).

Phong-dao ta có câu: « Nước lã mà vã nên hồ tay không mà nổi cơ-đờ mới ngoan », đến năm Lý-Bĩ vào giữ Long Biên (541 sau T.-C.) Từ khi Mã-Viện sang danh Bà Trưng (43 sau T.-C.) ngót năm trăm năm, người Tàu lấy làm quận huyện-một tấc đất, một thước sông, đều là Bắc-thuộc trong nước không có quyền tự-chủ, ai là người anh-hùng tạo thời-thế lúc này? May có Ông Lý-Bĩ khởi lên đánh đuổi Tiêu-Tư, giữ thành Long-biên, xưng Nam-Việt-đế,... sau vào ở động Khuất-lão, bị khí lam-chuống mất. Người trong nước thương ông, nên đặt câu ca-dao nay để khen ông là người dân Việt không có một tấc đất nào một tên quân nào mà cũng khởi binh lấy lại đất nước, mở nền độc lập cho tuơng lai. Tuy chưa đi được bao lâu, phải lui về Khuất-lão, nhưng cũng là một người đệ nhất anh-công ở nước Nam ta, thật xứng đáng với câu: « Tay không mà nổi cơ-đờ... ».

Lý Nam-đế mất ở Khuất-lão vào năm 548 sau T. C., lúc bấy giờ con Triệu-quang-Phục là con Thái-phó Triệu-Túc, vì có công danh giặc được thăng ta tước quan Ly-Bĩ về động Khuất-lão, giao cho Triệu-quang-Phục giữ nước để chống nhau với Bà-Tiên Nhan bên Tàu có loạn Hầu-cảnh, rồi Bà-Tiên về, cho Dương-Sàn ở lại. Triệu-quang-Phục đánh quan Lương, giết Dương-Sàn, vào ở thành Long-biên, tức là cựu-đô của Lý Nam-đế.

Triệu-quang-Phục tự hiệu là Triệu-Việt-Vương được 22 năm (549-570 sau T.-C.) thì bị người họ của Lý Nam-đế đánh lừa, cho nên mất nước. Xưa nay các sử-thần đều khen Triệu-Việt là người không tuê di-nghị, mà chớ Lý-Phật-tử là người ngu.

« Vì lẽ gì nhà Tiền Triệu-Việt? Nguyên Triệu-Việt là con nhà tì ởng, điều binh ở Dạ-trạch, không phụ lời trọng-thác của Lý Nam đế. Người ta thường nói « Tướng môn hữu tướng » nghĩa là cửa nhà tướng võ có tướng giỏi, câu ấy phải lắm. Quả nhiên Triệu-Việt giết được Dương-Sàn, đánh được quân Lương, khôi phục được cái cơ nghiệp tự-chủ của Lý-Nam-đế, chính là người hào kiệt trong một thời. Lý-Bí đã từ trần ở Khuất-lão Triệu-Việt mới xưng Vương-hiệu, vua tôi nghĩa lớn, ở rất phần minh, thế mà sau bị mất với Lý Phật-tử là một người hèn nhát không tài cán gì. Như thế thì việc Nuã-lang gửi rêu, có lẽ có chăng? (Đại Việt Sử Ký cái lương), tờ 39b và 40a)

« Tại sao chê Phật-tử là ngu? Đương khi quân Lương kéo vào vào hồ Điền-triệt, Nam-đế phải bốn ba về động Khuất-lão, Phật-tử là người trong họ Lý mà lại làm tướng, đáng lẽ phải hy sinh mới phải, đã không cùng Quang-Phục điều binh ở Dạ-trạch, lại cùng Lý thiên-bảo biệt lập ở Dã-năng, cốt mưu cho thoát nạn một mình, không nghĩ đến họ hàng đất nước còn hay mất, thế là một điều ngu.

« Kịp đến khi tay Lý thiên-bảo, cầm quân ở Đào-lang, chính là lúc Triệu-Việt vương đang khôi-phục, thế mà đi chia cội ở châu Quân-thần. Tự-ngạn có câu: « Mỗi Lở rắng lạnh » chính là thế. Nếu biết đồng-tâm hiệp-lực, giặc ngoài đến thì Lý, Triệu dựa nhau, tưởng người Tàu có mạnh, cũng chưa dễ nuốt được đất Nam, thế mà cái đất vừa xong, lời thề đã quên để cho người ngoài biết rằng thế cô: đó là hai điều ngu.

« Thấy khá thì tiến, thấy khó thì lui, là sự thường trong binh-pháp. Khi Lưu-Phượng mới đến, xem cơ thế chúng được thì hăng chống, nếu không thì giữ chỗ hiểm yếu, để cho nhứt cái khí sắc sảo của kẻ kia, đóng chặt cửa thành, làm cho quân họ mỗi mệt; làm gì mà chẳng chiếm được sông bể của nhà binh? Lại đi lấy 2000 người yếu ớt của mình, chống nhau với quân 70 đốn của họ, ít làm sao địch được nhiều? Thế là ba điều ngu.

« Giặc đã đến nơi, tự nhiên họ thua, thời nên mau nhứt tàn quân, đợi khi họ mỗi mệt, thì ta

phấn đấu, như thế thì ở rợ thua cũng chưa biết chừng! Thế mà mới nghe lời dọa, đã cam chịu làm một tên hàng tù ở cửa dinh tướng giặc, làm cho những cựu-tướng kiệt-liệt đều bị chết lây. Thực là ngu-xuẩn quá chừng! »

Lịch-sử nhà Tiền-Lý thì sử Tàu chép như sau này:

Thần-dân ở Giao-châu là Lý-Bí đánh thứ-sử là Tiêu-Tư, Tiêu-Tư nộp của lót được về Việt-châu (Thị tuế, Giao-châu thần-dân Lý-Bí công thứ-sử Tiêu-Tư, tư thân lộ đắc hoàn Việt-châu). Câu này chép vào cuối năm thứ 7 hiệu Đại-đồng (541) đời Lương Vũ-đế (Lương-thư, q. 3, tờ 9a cột 4, 5).

« Năm thứ 10 hiệu Đại-đồng (544) mùa xuân tháng giêng, Lý-Bí ở Giao-chỉ tiến vị hiệu (ngôi vua, hiệu vua) đặt trăm quan ». (Thập niên xuân chính nguyệt, Lý Bí ở Giao-chỉ thiết vị hiệu, thực trí bách quan). — (Lương-thư, q. 3, tờ 9a, cột 1).

« Năm thứ 1 hiệu Trung-đại-đồng (546).... thứ-sử Giao-châu là Dương-Siêu đánh được ở thành Gia-ninh thuộc châu Giao-chỉ, Lý-Bí trốn vào Lão-động, châu giao yên ». Trung-đại-đồng nguyên niên... Giao-châu thứ-sử Dương-Siêu khắc Gia-chỉ Gia-Minh thành, Lý-Bí thoán nhập Lão-động, Giao châu bình. — (Lương-thư, q. 3, tờ 10 a, cột 6,7).

« Năm thứ 2 hiệu Thái-thanh (548)... tháng 3 ngày kỷ-vi... ngày ấy động Khuất-lão chém Lý-Bí gửi đầu về kinh-sư » (Thái-thanh nhị niên,... tam nguyệt kỷ-vi,... thị nhật Khuất-lão động trảm Lý-Bí chuyển thủ kinh sư (Lương-thư, q. 3, tờ 11 b, 2).

Cứ xem bốn đoạn Lương-thư chép trên này chỗ thì chép là *Giao-châu* chỗ thì chép là *Giao-chỉ* chỗ thì chép là *Lão-động*, chỗ thì chép là *Khuất-lão-động*, thế mới biết người Tàu chép chuyện nước ta cốt thông, hoạt đủ nghĩa thì thôi, không cần nọ lắm.

Đến *Tùy-thư* (q.2, tờ 3b, cột 4) thì chép rằng: « Năm thứ 10 hiệu Khai-hoàng (590)... Bọn Lý-Xuân ở Giao-chỉ đều tự xưng đại-đô (Xem tiếp trang 19)

— Tôi biết ~~điều~~ gì, nhưng tôi không biết và cũng không muốn biết. Nhưng nếu họ đã bắt đầu ngờ và điều tra rất gắt, nếu bọn đầu bản-xứ bị dò hỏi, thì có sự gì mà họ không tìm ra? —

— Leslie bỗng nhìn người lại và Joyce chưa kịp do tay ra đỡ thì nàng đã sổng soài ngã xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Ông đưa mắt nhìn quanh trong buồng tìm nước, nhưng tình không có một tí nước nào và ông ta không muốn che ai biết.

Ông đặt Leslie nằm ngửa lên trên mặt đất và quỳ bên cạnh, chờ nàng tỉnh dậy.

Khi nàng mở hai mắt thì Joyce lấy làm ngạc-nhiên ra vẻ kinh hoàng như mê man của đôi con mắt nàng.

Bác cứ vào... Ông Joyce nói... Một lát nữa sẽ đỡ...

— Ông đừng đe người ta thất cổ tôi!

Nàng khẽ nói!

Và nàng bắt đầu khóc, khóc thất thanh không ra tiếng trong khi Joyce cố khuyên giải.

— Trời ơi! Xin bác trấn tĩnh một chút.

— Bác thư cho tôi một phút.

Về câu đàm của nàng thực là đáng khen.

Joyce có thể trông thấy Leslie đang cố sức trấn tĩnh và chẳng bao lâu nàng đã nhẹn được khỏe.

— Bác đỡ tôi đứng dậy.

Joyce đỡ tay đỡ Leslie đứng dậy. Cầm lấy tay Leslie ông ta đưa nàng ra một chiếc ghế. Nàng nặng nề ngồi xuống.

Bác đừng nói gì với tôi... Xin thư cho một vài phút, nàng nói.

— Được.

Khi nàng nói, tai nói một câu mà Joyce thực không ngờ.

Nàng khẽ thở dài nói.

— Trời ơi! Thật là tôi đã dính vào một mớ bòng bong!

Joyce không giả nhời. Và một lát nữa, hai người đều im lặng. Sau cùng Leslie nói:

— Có cách nào lấy được lá thư đó không?

— Người ta không bao giờ nói gì với tôi nếu người có lá thư không định bán.

— Ai có lá thư đó?

— Người dân bà Trưng-Hoa, nhân tình của Hammond. Hai giờ mà Leslie bỗng đổ ổng.

— Không biết nó sẽ đòi đến bao nhiêu tiền!

— Tôi cũng chắc rằng nó thừa biết giá-trị lá thư đó... Mà không biết nó sẽ đòi tôi bao nhiêu?

— Bác để cho tôi xử lý sao hay sao?

— Bác tưởng rằng lấy lại một tang vật quan hệ và bất ngờ như thế dễ lắm hay sao?

Tuyệt chẳng khác mua sắm thường gian.

Mà tôi không có quyền làm một việc như thế.

— Thế thì tôi sẽ ra sao?

— Công lý phải tiến hành.

Mặt Leslie sạm ngắt, Nàng rung mình.

— Số phận tôi là ở trong tay bác và lẽ tất nhiên tôi không có quyền nhờ bác làm những điều trái với chức nghiệp.

Joyce ngạc nhiên nghe thấy giọng nói run run của Leslie... Ngay thường nàng rất điềm tĩnh thành ra giọng nói của nàng nghe lại càng lâm ly cảm động. Đôi mắt Leslie nhìn Joyce như van lơn cầu khẩn, làm cho ông ta nghĩ rằng: Nếu mình từ chối không hết sức giúp thì có thể đôi con mắt đó sẽ theo đuổi mình suốt đời.

Dù sao không còn cách nào có thể làm cho Hammond sống lại được! Joyce tự hỏi: không biết tại sao Leslie lại viết bức thư đó! Nhưng cứ bằng ở bức thư mà luận rằng Leslie đã vô cớ giết Hammond thì cũng không đúng. Ở Đông Phương đã lâu năm cho nên lòng tâm nhà nghề của ông Joyce cũng không còn kháng cự như hồi 20 năm trước đây.

Ông cúi nhìn xuống đất. Phải bỏ buộc làm một việc không được đứng đắn cho lắm ông lấy làm khó chịu. Câu muốn nói như không thoát được ra ngoài cổ họng. Và Joyce thấy mình cầm giũa Leslie lắm.

— Tôi không được rõ bác giải có của cái gì không?

Mặt đỏ ửng vì hy vọng, Leslie đưa mắt nhìn ông Joyce.

— Nhà tôi có nhiều cổ phần trong mấy mỏ than và có chung phần với vài đồn điền cao-xu. Tôi chắc nhà tôi có thể thu xếp được tiền.

— Nhưng phải nói cho bác ấy hiểu tại sao phải cần đến tiền.

Leslie im lặng một lúc lâu. Nàng trầm ngâm nghĩ ngợi.

— Nhà tôi còn yêu tôi lắm. Nhà tôi sẽ vui lòng hy sinh bất cứ sự gì, miễn là cứu được tôi. Nhưng có cần phải cho nhà tôi xem bức thư không?

Joyce hơi cau mặt, nhưng Leslie vội vã nói tiếp.

— Robert là một người bạn cũ của bác. Tôi không dám phiền gì bác. Tôi không dám phiền gì bác. Tôi chỉ xin bác ra tay cứu một người rất tốt bụng... Xưa nay chưa từng làm hại ai bao giờ.

Joyce không giả nhời. Ông ta đứng dậy đỡ Bà Crosbie với vẻ yểu điệu nhằm nở đã trở lại bên phía tay cáo từ. Tay vẫn còn cầm động về câu chuyện vừa qua, Leslie vẫn cố trấn tĩnh đưa Joyce ra đến tận cửa và mỉm cười ngả đầu chào với vẻ bình tĩnh tự nhiên của một người dân bà lịch sự.

— Cảm ơn bác đã vì tôi mà phải khó nhọc... Tôi không bao giờ quên được ơn sâu ấy.

Joyce về số. Ngồi một mình trong phòng giấy riêng lặng lẽ, không làm việc gì cả, ông trầm ngâm suy nghĩ. Trí tưởng tượng của ông ta phảng phất với những mối hoài nghi lạ. Ông ta hơi rùng mình. Sau cùng, có tiếng gõ cửa rất khẽ, tiếng gõ cửa mà Joyce đang mong. Chi-Song bước vào.

— Thưa ông, tôi cũng sắp đi ăn cơm sáng... Hân mới.

— Bure.

— Trước khi tôi đi, ông có cần việc gì không?

— Không, anh có dặn ông Reed lúc khác đến không?

— Thưa có, ông ta hẹn đến 3 giờ chiều hôm nay sẽ đến.

— Tốt lắm.

Ông-Chi-Song quay ra, đi đến cửa để những ngón tay giải năm lần quả đấm, đoạn hình như còn quên một điều gì, hân quay lại.

— Có điều gì ông muốn nói với người bạn tôi không?

— Người bạn nào?

— Người có phong thư mà bà Crosbie viết cho ông Hammond.

— À, tôi quên khuấy đi mất. Tôi có nói chuyện đó với bà Stanley. Nhưng bà ấy thực không biết là chuyện gì, và nói rằng không bao giờ viết một bức thư như thế. Có lẽ là một bức thư giả mạo. Joyce tìm bản sao ở trong túi ra đưa giả viên thư ký ông — Chi-Song làm như không nhìn thấy.

— Thưa ông, nếu thế thì bạn tôi có thể, không quan ngại gì, đem phong thư đó trình quan chương lý?

— Rất không. Nhưng tôi không hẳn đem trình nhà chức trách như thế có ích gì cho bạn anh không?

— Thưa ông bạn tôi coi là bổn phận mình phải giúp công lý.

— Hay lắm. Tôi rất tán thành những hành vi có thể giúp công lý tìm ra sự thực.

Bốn con mắt nhìn nhau không chớp. Không ai mỉm cười, nhưng hai người đã hiểu nhau lắm.

— Thưa ông tôi hiểu lắm, Ông-Chi-Song giả nhợt — Nhưng tôi đã xem qua hồ sơ việc bà Crosbie. Theo thẩm ý của tôi, nếu bức thư đó lọt vào tay Quan Chương-Lý thì hại cho bà khách hàng của chúng ta lắm.

— Tôi xưa nay vẫn khen ngợi anh là 1 người rất thạo pháp-luật.

— Tôi nghĩ rằng nếu tôi bảo được người bạn tôi khuyên được người đàn bà Tần để lại cho chúng ta bức thư đó thì sẽ đỡ được nhiều sự phiền nhiễu.

Joyce vẫn thừng thừng cầm bút chì vẽ đầu người trên một mảnh giấy trắng.

Tôi cho bạn anh là một người có óc buồn chán. Bấm ta định giá phong thư đó bao nhiêu?

— Hân ta có bức thư đầu? Bức thư hiện ở trong tay người đàn bà tần. Bạn tôi chỉ là một người quan thuộc thôi. Người đàn bà này đối rất không biết gì. Chính bạn tôi đã bảo cho mọi ta biết giá trị phong thư đó.

— Hân cho là phong thư đáng bao nhiêu tiền

— Thưa ông một vạn đồng hoa viên.

— Trời! một vạn đồng! Bà Crosbie đã đầu ra được món tiền như vậy. Và lại tôi nhắc cho anh biết rằng đó là một phong thư giả mạo.

Joyce vừa nói vừa đưa mắt nhìn Ông-Chi-Song. Viên Thư ký vẫn thần nhiên. Hân vẫn lễ phép, điềm nhiên, lạnh lùng, đứng cạnh bàn.

— Ông Crosbie có 1/3 trong đồn điền cao su ở Beton và 1/6 trong đồn điền cao su ở bờ sông Aslantun. — Tôi có một người bạn sẵn lòng cho ông ấy vay món tiền đó, nếu ông ấy chịu đem những cổ phần ấy làm bảo đảm.

— Anh làm bạn thật... Joyce khỏi bài giả nhợt.

— Thưa ông vâng.

— Anh bảo các bạn anh là tôi các cần đến họ. Tôi không bao giờ khuyên ông Crosbie mua phong thư, vì giá trị (và rất dễ giăng giải đó) với một giá quá rẻ, đồng hoa-viên.

— Thưa ông, chính người đàn bà đó không muốn bán phong thư 1 tí nào. Và bạn tôi phải khó nhọc để nói khuyên được mọi ta nên đem bán.

Nếu giả dưới số tiền như họ đã định thì với họ

Ông Joyce nhìn Ông-Chi-Song đến ba phút không chớp. Viên Thư Ký vẫn thần nhiên, — đứng mắt lễ phép nhìn xuống đất. Ông Joyce biết người Thư-Ký của mình lắm. Một thằng cha rất thông minh... Không hẳn trong việc mua bán này nó được đâu bao nhiêu phần trăm!

— 10.000 đồng là một món tiền to quá!

— Nhưng ông Crosbie còn muốn hy sinh một món như vậy, hơn là để vợ mình phải tội giặc. Ông Joyce lặng ngắt, trầm ngâm. Chi-Song chắc còn biết nhiều điều vắn khác trong chuyện này nhưng bấn lắm ra bộ không biết. Mà chắc nó cũng tin ở sức nó lắm cho nên mới không kháng như vậy. Mà món tiền này cũng đã định bởi một người biết rằng Crosbie không sao thu xếp nổi một món tiền lớn hơn.

— Người đàn bà Tần hiện nay ở đâu? Ông Joyce hỏi

— Hiện ở nhà người bạn tôi.

— Bà ta có bằng lòng đến đây không?

— Thưa ông, giá ông lại nhả mọi ta thì hơn.

Tôi nay tôi sẽ đưa ông đến đấy, mọi ta sẽ trao cho ông bức thư. Tôi xin nhắc lại mọi ta ngu dốt, không quen đứng trước phiên.

~~CONFIDENTIAL~~

[illegible]

= NGUYEN VAN CAMMOTOLE FRANCE =

[illegible]

anh gọi job như là (đồng nghiệp trong sân)

14-00000

TU VIEN

(Tiếp theo trang trước)

Đệ được là sách muốn nói gì nữa; đệ nhận ra rằng sách của đệ cũng mờ-mịt như của các tay đại-gia siêu-hình-học. Đản lại có điều bất-có-gi là sao thiên-hạ sùng-kính những tay đại-gia siêu-hình-học ấy mà không sê cho đệ một phần sự sùng-kính đó. Vì thế mà đệ rút hẳn không màng đến những chuyện suy-lý siêu-hình nữa. Đệ quay ra khảo-cứu các khoa-học quan-sát và chuyển học về khoa sinh-lý. Các nguyên-tắc của khoa-học này, trong vòng ba mươi năm rày xem ra có vẻ khá vững-bền đấy. Học sinh-lý cốt là lấy đàn ghim cắm hẳn ngay một con ếch vào một tấm liège rồi mổ bụng nó ra mà quan-sát các giây thần-kinh và tim gan nó. Nhưng đệ nhận ngay ra rằng phương-pháp ấy thì phải tốn rất nhiều thì giờ, cả đời người không đủ để mà khám phá nổi cái bí-ẩn sâu-xa của sinh-vật được. Đệ cảm thấy cái hư vô của khoa-học thuần-trí vì khoa-học chỉ khảo-sát có một phần cón-con của các hiện-tượng, nên dù có tìm được ít nhiều mối tương-quan của sự-vật chẳng nữa cũng không đủ để tạo thành một hệ-thống vững-vàng chắc chắn được. Đệ đã nghĩ đến chuyện soay làm kỹ-nghệ. Nhưng bản tính hiền-lành, êm ái nên đệ nghĩ vụt lại thôi liền. Có sự kinh-doanh nào mà ta dám chắc trước là dở thì ít mà hay thì nhiều đâu? Thôi rồi sự đời muốn ra thế nào thì ra; đệ cũng chẳng quan-tâm gì lắm. Đệ bỏ ra sáu nghìn tẩu cái nhà cở này, nhà có pháp, có cầu thang bằng đá, có vườn, nhưng vườn thì đệ bỏ hoang đấy không trồng-trọt chi cả. Đệ ra vườn ngồi ngắm mây bay hay cái xuống nhìn cà-rốt non mọc trong đám cỏ thành những tia trắng xóa. Thế

thứ gì hơn là ngồi mà mổ bụng ếch hay là ra một thư thủy-lôi mới ư? Đêm nào đi giới mà lại không ngủ được thì đi ngắm sao, từ ngày bao nhiêu tên sao đi quên hết đến giờ thì để lại càng thích ngắm sao lắm. Đệ không tiếp ai ở đây cả, cũng chẳng hề nghĩ đến chuyện gì cả. Đệ cũng chẳng mời đại-huynh đi.

Có rượu vang, có trướng trắng, có thuốc lá thết đại huynh là đệ thích rồi. Nhưng chẳng dấu gì đại huynh, giá đệ cho thỏ cho chim ăn đệ còn thích hơn, vì cho chúng miếng bánh này là để có thứ cho chúng bồi-bổ lại sức-lực của chúng mà sức lực ấy chúng không phao phí, đem dùng để viết tiểu-thuyết ngón-tinh làm sao-xuyến lòng người hay là những pho sinh-lý-học nó làm khổ người ta đâu.

Đang lúc ấy thì có một con nư, má đỏ, mắt xanh trong, mang một chai rượu vang và trướng trắng đến. Tôi hỏi bạn tôi xem ông ta có ghét mỹ-thuật và văn-chương như khoa-học không? Ông đáp: muốn ghét cũng không được. Mỹ-thuật là những trò trẻ cả. Các nhà họa-sĩ chỉ là những nhà bôi xanh, bôi đỏ; các tay điêu-khắc chỉ là những kẻ làm búp bê mà thôi! Như thế cũng không có hại gì! Còn các nhà thi-sĩ thì ta nên cảm ơn họ là vì mỗi khi dùng chữ là họ đã làm cho chữ thành vô-nghĩa cả rồi. Chỉ cần có một điều là kẻ đại dốt nào chơi cái trò chơi chữ ấy, đừng coi việc mình là quan hệ mới được. Chỉ xin họ đừng ghen-gheo lẫn nhau; đừng điên-rồ, lẫn-lẫn mà thôi. Truyện tầm phơ như vậy mà họ coi là việc vinh-dự được: thế họ mới quả là người mê-sảng vì trong tất cả các ảo-tưởng của một khối óc ốm đau thì cái ảo-tưởng về sự vinh-quang là điều tức-cười nhất và tai-hại nhất? Nghĩ mà thương họ thật. Ở đây nông phu vừa cày vừa hát những bài hát của ông cha ngày trước; mục tử ngồi trên sườn đồi, lắng dao

gọi rõ ~~sản phẩm~~ các tương cơ-~~con~~, còn dân bà ~~thì~~ ~~mỗi~~ ~~hết~~ ~~có~~ ~~hội~~ ~~hà~~ ~~gi~~ ~~lại~~ ~~nặng~~ bánh trái thành hình chim bồ-câu : những nghệ-thuật ấy thật là ngáy-thơ vô-lợi, không vì sự tranh khôn tranh khéo, kiêu-ngạo khoe-khoang mà hỏng bao giờ, đã để làm lại còn vừa tầm với cái sức yếu-hèn của người đời nữa. Ở tỉnh thì khác hẳn ; nghệ-thuật phải tồn công sức lắm, mà mỗi khi gắng công, gắng sức là có sự đau khổ rồi.

Nhưng cái điều làm cho người đời sai-lạc, xấu-xa, buồn-tủi hơn hết vẫn là khoa-học, vì khoa-học đặt mối tương-quan giữa người và sự vật, mà người ta thì không vừa tầm với sự vật được ; khoa-học làm sai hẳn các điều-kiện liên-lạc giữa người và sự-vật đi rồi. Khoa-học kích-thích ta tìm-tòi để hiểu biết mà thật ra một con sinh-vật ra đời là để mà cảm-súc chứ có phải là để mà hiểu-biết đâu. Khoa-học khai-phát khối óc của ta, vốn nó là một cơ-quan vô-ích, thành ra làm thiệt cho các cơ-quan hữu-ích khác mà ta và loài vật đều cùng có như nhau cả ; khoa-học làm ta mất cả cái thú yên-hưởng mà chúng ta ai cũng thích ; khoa-học làm ta bứt-rứt phẫn-vẫn vì bao nhiêu ảo-ảnh kinh-rợn mà khoa-học đã kinh-dùng ra khoa-học đã tạo ra sự bé-mọn của ta vì khoa-học đã đo các vì tinh-tử ; khoa-học đi tính tuổi của địa-cầu nên mới tạo ra sự ngắn-ngủi của đời người ; khoa-học tạo ra sự khiếm-khuyết, tàn-giặt của ta vì đã khiến ta ý-hội ra những điều mà mắt ta không trông thấy nổi, tay không với tới được ; khoa-học lại tạo ra sự ngu-dốt của chúng ta vì đã khiến cho chúng ta vấp phải những điều không thể hiểu được ;) khoa-học lại tạo ra sự nọ-hèo-hèn, khốn-khở của chúng ta vì đã tăng gấp bội mãi các nhu-cầu của ta mà không làm cho ta được thỏa-mãn.

Đấy là để chỉ nói riêng về sự suy-lý mà thôi. Nếu bước sang phạm vi thực-hành thì xét ra khoa-học chỉ sáng-chế được các máy

để hành-hình nhân-loại mà thôi. Đại-huynh thử đi thăm một tỉnh kỹ-nghệ hay xuống một cái mỏ nao xem. Những điều mắt thấy tai nghe ở hai nơi đó đều gớm-ghe hơn hết cả những sự tưởng-tượng của các nhà thần-học đã bày-dặt ra để tả cảnh địa-ngục. Nhưng nghĩ lại có lẽ các sản-phẩm của kỹ-nghệ không hại cho những kẻ nghèo đến làm ở đấy bằng những người giàu vẫn dùng những sản-phẩm đó, và ta phải tự hỏi là trong tất cả các nỗi khổ của nhân-loại thì sự xa-xỉ có phải là cái khổ to nhất không ? Để quen biết đã các hạng người ; nhưng không ai lại khổ-sở hơn một người đàn-bà kia, quen g'ao-du rộng, người trẻ và đẹp, mỗi năm lên Paris tiêu hết dăm nghìn quan để sắm sửa quần áo. Cứ vậy thì tình-thệ này sẽ đưa đến sự loạn thần-kinh không thể chữa được mất.

Con nọ mất trong lá : này, đến rồi et-phê cho chúng tôi trông về nó ngày-ngủ một cách sung-sướng. Bạn tôi cảm cái đầu vừa mới nhồi đầy thóc lá song, chỉ nó mà bảo tôi rằng :

Đại-huynh xem, con bé này chỉ ăn mỡ với bánh thôi. Hôm qua nó đi gánh rơm về, đầu tóc còn vương mấy sợi rơm kia. Nó sung-sướng và làm cái gì chẳng nữa cũng là ngáy-thơ cả. Vì chúng ta ở đời mà có khổ về tâm-hồn hay về vật-chất cũng là do khoa-học và văn-minh gây ra cả. Để cũng sung-sướng như nó, vì để cũng ngáy-ngộc gần bằng nó. Vì không tư-tưởng gì cả, nên để không phải băn-khoăn, bứt-rứt. Vì không hành-động gì cả, nên để không sợ lỗ-làm. Đến vườn của để, để cũng không trông tia vì biết đâu việc mình làm lại không có những ảnh-hưởng mà mình không lường được. Cứ vậy để thật được hoàn-toàn bình-tĩnh.

Tôi đáp :

— Ở vào địa-vị đại-huynh, thì để không thể nào bình-tĩnh như vậy được. Đại-huynh đã ra hết được tư-tưởng trí-thục của mình

"đau mà báo là hương nổi được một sự
 yên-lạc đích-tích. Hãy coi chừng đấy đại
 huynh a ! Muốn làm gì thì làm chứ đừng
 là phải hành-dộng. Đại-huynh sợ những
 kết-quả của một sự khám-phá hay một sự
 sáng-chế về khoa-học vì những kết-quả ấy
 không ai lường được. Nhưng mà cái
 tư-tưởng giản-dĩ nhất, sự đồng-tác làm
 thường nhất, tự-nhiên nhất cũng có thể có
 những kết-quả bất-ngờ như vậy được. Thân
 thể người đời cũng như là cái lưới. Đại-
 huynh cho rằng chỉ riêng tri-tuệ, khoa-học
 và kỹ-nghệ cũng đủ dệt nên tấm lưới ấy rồi
 thì thực là hần-hạnh cho ba thứ ấy quá.
 Ngay những sức mạnh liềm-tàng, ám-u cũng
 dệt được năm bảy mắt đó. Một hòn sỏi nhỏ
 ở trên núi lăn xuống, ai biết ảnh-hưởng
 của nó rồi sẽ ra sao. Có lẽ nó sẽ quan-hệ cho
 số-phận của nhân-loại hơn là sự xuất-bản
 cuốn Novum Organum, hơn là khám-phá
 ra điện-lực cũng chưa biết chừng. A-Lich
 Sơn hay là Nã-Phá-Luân ra đời thì sự
 lo-lắng mẹ ấy quyết-nhiên không phải là một
 sự mới lạ, một việc dự-dịnh từ trước, hay
 một việc thuộc về khoa-học gì. Ấy thế mà
 hàng thiên vạn cuộc đời phải khôn-đốn về
 việc ấy đó ! Ai biết được việc mình làm rồi
 sẽ có giá-trị gì, có nghĩa-lý gì ? Trong tập
 Thiên-Phương-Dạ-Đàm có một câu chuyện
 mà để cho là vô-triết-lý lắm. Đây là câu
 chuyện người tài buôn A-Rập nó đi chày
 đến ở La Mecque và ngồi nghỉ chân ở bên
 bờ giếng mà ăn chà-là. Anh thấy anh ta
 bắt hết đi. Hột chà-là ấy ném một con trai
 mới vị thần có hình trong không-không. Anh
 ta có ngờ đâu rằng ném một hột chà-là mà
 lại thành ra chủ-giả nhà vậy, nên để ngó
 ta kờ-lọt cho anh ta nghĩ thì anh ta lại cứ
 được cả ngó rồi. Anh ta không hề nghĩ đến
 những kết-quả có thể xảy ra được của mọi
 hành-vi. Ngày nay, mỗi khi ta gieo hạt lên,
 gieo cái gì, chúng ta chẳng biết chút một ông
 thần trong không khí như bác tài buôn no ?

Cho nên ở vào địa vị đại huynh để không
 thể bình-tĩnh được. Ngày nay đại huynh
 nghĩ ở nơi tù-viện bìm bìm này, biết đâu sự
 an nghỉ ấy, lại không phải là một việc quan
 hệ cho nhân-loại, quan hệ hơn cả các sự
 khám-phá của các nhà bác học, biết đâu lại
 không là việc tại hại vô cùng cho hậu-thế ?

— Không có lẽ !
 — Nhưng không phải là vô lý đâu. Đại-
 huynh sống một cuộc đời đặc-biệt. Chuyện
 đại huynh nói thật là kỳ-dĩ giá cốp-nhat
 lại có thể cho in thành sách được. Trong
 một vài trường hợp, thì cứ vậy là đủ để
 thành giáo-chữ một tôn-giáo rồi đại huynh
 không muốn cũng không được, có khi thành
 giáo chủ rồi, mà đại huynh vẫn không biết
 cũng nên. Tôn-giáo ấy rồi sẽ có hàng ức
 triệu tín đồ, các tín đồ ấy rồi sẽ khôn-khó
 họ sẽ thành ra đê-ác vì họ sẽ lấy danh-nghĩa
 đại huynh mà chém giết hàng ức triệu người
 khác.

— Để thường muốn yên thân và vô tư
 thì chỉ có chắc là chết đi thôi !

— Ấy cũng phải coi chừng đấy đại huynh
 a ! vì chết là làm một việc mà đại huynh
 lại càng không tại nào lường được nữa.

CAM THẠCH LÊ ĐOÀN VỸ
 Anatale France (Le Jardin d'Epicure)
 đại huynh nói

MỤC VIÊN

PACIFIQUE

KHÔNG ĐÁP MẠC — KHÔNG CẦN

CƠ BẢN TẠ CÁC HÀNG SÁCH BAN ĐOÀN

theo giá in Đông Hoa Giáp Tân dậu

DO VAN THIEU

68 — Marsechal Foch

Vinh, Bette post. no 11

F. A. D. B. E.

NHƯ'NG CUỘC KHO'Í NGHĨA

(tiếp theo trang 10)

đốc, đánh hãm châu huyện. Vua Tùy ban chiếu cho chức Thương-trụ-quốc nội-sử-lệnh Việt-quốc công là Dương-Tổ sang đánh dẹp được ». (Khai hoàng thập niên,... Giao-chỉ Lý-Xuân đăng giai tự xưng đại-đô-đốc, công hãm châu huyện. Chiếu Thương-trụ-quốc nội-sử-lệnh Việt-quốc công Dương-tổ thảo bình chi).

Sử-thần ta chú-thích về đoạn ấy rằng : « Lý-Xuân có lẽ là Lý Vạn-Xuân, vì Vạn-xuân là tên nước của Tiền Lý Nam-đế (tức Lý-Bí) Hậu Lý (tức Lý Phật-tử nối ngôi, noi theo (hiệu vua trước) đến đây (590) đã hai mươi năm, bên Tàu mới sai Dương Tổ sang đánh, không được mà về. Sử tàu kiêng không chép đến mười hai năm sau, bên Tàu mới sai Lưu-Phương sang đánh dẹp được, sử tàu lại khoe mà chép sự thực (Đại-Việt sử-ký, q. 5, tờ 12a).

Mười hai năm nữa, tức là năm 602, *Tùy thư* (q. 2, tờ 8a, cột 2) chép như sau này : « Năm thứ hai hiệu Nhân-thọ (602)... Người châu Giao là Lý Phật tử khởi binh làm phản, vua Tùy sai Hành-quân tổng-quản là Lưu-Phương sang đánh dẹp được » (nhân-thọ nhị niên,... Giao-châu nhân Lý Phật-tử cử binh phản, khiến Hành-quân tổng-quản Lưu-Phương thảo bình chi).

Thế là *Lương thư* thì chép truyện Lý-Bí, *Tùy-thư* thì chép chuyện Lý-Phật-tử (chỗ lại chép là Lý-Xuân, có chỗ lại chép là Lý-thiên-Long). Nhưng đây là chép mục *Đế-kỷ* nên mới chép sơ-lược như thế. Còn trong *liệt-truyện* ở *Tùy-thư* có chép một đoạn như sau này :

« Trong niên hiệu Nhân-thọ (601 - 604),... người rợ (!) châu giao là Lý-Phật-Tử làm loạn, giữ thành cũ của Việt-vương, sai con người anh là Đại-Quyền giữ thành Long-biên, còn tướng khác là Lý Phật-Đỉnh giữ thành Ô-diên... » (Nhân-thọ trung,... Giao-Châu Lý-Nhân Lý-Phật-

Tử tác-loạn, cử Việt-vương cố-thành, khiến kỳ huynh tử Đại-Quyền cử Long-biên thành, kỳ biệt sủng Lý Phật-Đỉnh cử Ô-diên thành... *Tùy thư*, q. 53, tờ 4 b, cột 6, 7, truyện Lưu-Phương).

Cứ xem như đoạn này, tuy không chép rõ tên Triệu Việt-vương, nhưng có chữ « cũ Việt-vương cố thành = giữ thành cũ của Việt vương » thì rõ ràng có một ông ở vào khoảng sau Lý-Bí trước Lý-Phật-Tử còn về chữ « Triệu Việt-vương » mà chép là « Việt vương » thì cũng như chữ « Lý-Phật-Tử » mà chép là « Lý-Xuân » chứ quyết nhiên là không có Việt-vương nào khác nữa.

Cả đến Lý-Thiên-Bảo tức Đào-lang-vương, *Trần thư* cũng có chép như sau này :

«... Anh Lý-Bí là Thiên-Bảo trốn vào Cửa-chân cùng với kiếp sủng là Lý-Thiên-Long thu hai vạn quân còn sót, gết thù-sử Đức-châu là Trần-văn-Giới, tiến vây Ái-châu... » (Bí huynh Thiên-Bảo đơn nhập Cửa-chân, dữ kiếp sủng Lý-Thiên-Long thu dư binh nhĩ vạn, sát Đức-Châu thứ sử Trần-văn-Giới, tiến vi Ái-châu... *Trần-thư* q. 1, tờ 2a cột 2). Thiên-Long có lẽ là Phật-Tử.

Nói tóm lại mấy ông vua trong đời Tiền-Lý sử Tàu đều có chép cả, chỉ vì chép sơ lược, và mỗi chỗ chép một khác, cho nên có người cho là sử Tàu không chép đến (như ông Henri Maspero làm bài *La dynastie des Li n'érieurs*, đăng ở *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, q. XVI, tr. 1-26).

4. — Mai Hắc-đế

Sau lần Bắc thuộc thứ ba, hơn một trăm năm (603-721), bên Tàu hết nhà Tùy, đến nhà Đường, cái quy mô thống-trị thuộc-địa của nhà Đường, càng ngày càng tỉ mỉ chặt, lúc đầu còn theo quan chế nhà Tùy, sau đổi làm « An-nam

đô-hộ phủ», chia làm 12 châu. Mới sang làm đô-lộ, có Lưu-diên-Hựu là người tham bạo: nguyên thuế má nước ta, trước kia vẫn thu nửa một, đến Diên-Hựu bắt nộp cả, dân chúng ta oán, định khởi loạn. Diên-Hựu biết chuyện, giết người đầu sỏ là Lý-tự-Tiên. Nhưng có người trong đảng của Tự-Tiên là Đinh-Kiến, đem quân vây Phủ-thành giết Diên-Hựu; bên Tàu sai tư mã Quế-châu là Tào-huyền-Tĩnh sang dẹp, giết được bọn Đinh-Kiến.

Nhưng mà lòng dân nước ta bấy giờ vẫn còn có người muốn đánh đổ Chính-phủ đô-hộ của Tàu. Người ấy là Mai-thúc-Loan, ở xã Mai-phụ, huyện Thiên-lộc, Châu-Hoan (nay huyện Can-lộc, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh), người đen mà có vũ-dũng. Xấu-hổ phải người Tàu sai khiến (xỉ vì Bắc nhận dịch, chữ ở *Đại-Việt sử ký cái lương*, tờ 4 a), năm 722 họp dân chúng 32 châu, phía ngoài kết-liên với các nước Lâm-ấp, Chân-lạp và Kim-liên, chiếm cứ cả vùng Hải-nam, xưng là Hắc-đế, gọi biệu quân là « 40 vạn » (*Khâm định Việt-sử*, q. 4, tờ 21). Nhà Đường sai Nội-thị tả-giám môn-vệ tướng-quân là Dương-tư-Húc, Đô-hộ là Quang-sở-Khách đem quân theo đường cũ của Mã-viên mà tiến quân, xuất kỳ bất ý đánh úp, Mai-hắc-Đế không kịp bàn mưu, nên bị thua, lui về địa phận núi ở châu Hoan, đề mưu toan khôi phục, không ngờ chưa được bao lâu, mất ở trong rừng (*Đại-việt sử-ký, cái lương*, tờ 44a). Hiện nay có đền thờ ở xã Hương-lâm, huyện Nam-đường, và được thờ vào Lịch đại đế-vương-từ:

Sử tàu chép như sau này: « Năm thứ 10 hiệu Khai-nguyên (722) đời Đường Huyền-tông, mùa thu, tháng 8, Lĩnh-ram án-sát-sứ là Bùi bá Tiên dâng thơ nói đặc-sứ (đầu sỏ giặc) ở An-nam là bọn Mai-thúc-Loan, đánh vây châu huyện. Vua Đường sai Phiêu-kị tướng quân kiêm nội-thị là Dương - tư - Húc đi đánh » (*Đường-thư*, q. 8, tờ 8a).

Nhà làm sử ta khen « việc Mai Hắc-Đế khởi nghĩa là Canh-hiệt. Mai-Hắc-Đế là một người anh-

hùng hảo kiệt trong quốc-dân ta. Lúc bấy giờ là cơ đô-hộ bay phấp-phới toàn bộ Nam-giao, cái họa Đinh-kiến còn ở trước mắt, cái oai Huyền-Tĩnh còn ở bên tai, người Nam dân Nam, tuy ai ai cũng có lòng cảm hoài non sông, nhưng sợ oai nhà Đường, đều ép một chỗ mà không dám cự, duy một mình họ Mai có thể tụ họp dân chúng làm nghĩa binh, liên-kết các nước láng giềng làm vây cánh, đem cái quyền tự chủ cho nước Việt-nam, tuy không thành công nhưng đáng khen nghĩa-khi; kíp đến khi người Tàu đã thắng trận, Mai Hắc-đế im, hơi lặng tiếng ở trong núi, giữ thân được vẹn toàn, khi ra khi vào tựa như thần thánh, cái trí của họ Mai như thế, thật không ai ví kịp ».

5. — Phùng-Hung

Mai Hắc-đế tuy đã mất, nhưng đã gieo sãi hạt giống tự-chủ cho dân ta, nên chưa đầy bảy mươi năm, lại nảy ra một người khởi nghĩa là Phùng-Hung. Phùng-Hung người làng Đường-lâm, thuộc châu Phong, nhà hào phú, có sức mạnh, « bẻ sừng trâu và bắt hổ tay không ». Trong hiệu Đại-hệch nhà Đường (766-779) cùng em Phùng-Hải đem quân uy-phục các ấp láng giềng, hiệu là Đô-quân, Phùng-Hải hiệu là Đô-hảo. Lúc bấy giờ Đô-hộ là Cao chính Bình chỉ chuyên về việc thu thuế nặng. Phùng-Hung giận lắm, cùng em kị ôi binh, đánh mãi không được. Đến năm Tân-mùi (791) theo mưu kế Đỗ-anh-Hàn là người lừng, đem quân vây phủ đô-lộ: Cao chính Bình bị vây, lo sợ mà chết. Phùng-Hung vào ở phủ thành đô-hộ, không được bao lâu, rồi nạt, dân-chúng lập con là Phùng-An làm đô-phủ quân, tôn Phùng-Hung làm Bố-cái đại-vương (*Khâm định Việt sử tiền biên* q. 4 tờ 25b và 26a). Cổ-tục gọi cha là bố, mẹ là cái, cho nên gọi Phùng-Hung là Bố-cái, để tỏ ý tôn như cha mẹ. Sử tàu không sách nào chép đến. Chỉ chép Đỗ-anh-Hàn như sau này: « Năm thứ 7 hiệu Trinh-nguyên (791), thủ-lĩnh An-nam là Đỗ-anh-Luân làm phản, đánh phủ Đô-hộ

đô-hộ là Cao chính - Bình lo chết » (Đường thư 9-13, tờ 4b). Chữ «luân» ở đây là chữ «hàn» viết lẫn ra vì hai chữ gần giống nhau, và có lẽ vì Phùng-Hung đánh mãi không nổi, sau phải dùng mưu kế của Đỗ-anh-Hàn mới đánh được, cho nên người Tàu chỉ biết Đỗ-anh-Hàn mà không biết Phùng-Hung là ai.

Nhà làm sử của ta thường khen «Phùng-Hung là người oanh-lệ, vì lúc bấy giờ nhà Đường đang vào hồi thịnh, thế mà Mai-Mặc-đế và Bồ-cái đại-vương, nối nhau khởi nghĩa, Hắc-đế đương khi Đinh-Kiến bị giết kuông sợ oai Huyền Tĩnh, Phùng-Hung đánh mãi không được, không sợ như Hắc-đế thua quân, hai người ấy bá không lượng sức mình hay sao? Bởi vì đã không được tự chủ, bị người ta sai khiến, chẳng thả chết; bất đắc dĩ mà phải diễn ra thảm-kịch ấy!»

(Còn nữa)

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN TỔ

SÁCH MỚI

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU

DƯƠNG QUANG HÀM

Giáo sư trường Trung-Học Bảo - Hộ Hà - nội
500 trang khổ lớn 15 x 22

DANH TỪ Y - HỌC

(Tập A và B)

PHẠM KHÁC QUANG, Y-khoa Bác-sĩ
LÊ KHÁC THIỀN, Ngoại-trú Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH

Luật-khoa Tiến-sĩ

Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế
350 trang khổ 13 x 20

NHÀ IN XUÂN THU 214, HÀNG BÔNG HÀ-NỘI

Cái «thích»

(Tiếp theo trang 7)

Nhưng một điều nhận xét nhỏ: Giá có phải chọn một bức tranh soàng, chỉ có một, với một bức tranh in rẻ tiền, đẹp hơn (tất nhiên không có thể so sánh với cái đẹp của bức nguyên-họa đã làm mẫu cho bức tranh in ấy) tại tôi thấy nhiều người sành không đến nỗi phải lúng-lự. Cho nên ở nhà một số đông họa-sĩ thường chỉ thấy có tranh in. Ngoài ra, đứng mê mải trước những bức tranh nguyên-tác của bạn đồng-nghiep, những bức tranh đẹp mà họ biết rằng không thể mơ-tưởng thành nhiều được, họ đành thở dài và mong ước có một nhà bảo-tàng mỹ-nghệ giữ thận trọng những bức tranh đó cho công chúng và cho mình.

Tôi tự đặt một câu hỏi tâm thường:

« Nếu không nhờ một nhu-cần quá rõ rệt của con người để phải triển, nghề in lại bị giáng bước vì cái «thích thích» thì tư-tưởng của nhân-loại hiện giờ ra làm sao? và riêng về cái đời sống cảm-giác của các họa-sĩ và những người thích đẹp đã ra ra thế nào?

Cái gì vĩnh viễn và sau khi một cái «thích thích» đã bị nghề in vật đồ thì cái gì đã chuyển biến?

NGUYỄN ĐỖ CUNG

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thân của mình mà thu lấy những cái khí hùng vĩ của đoàn thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tiền nhân cũng là những tiếng gọi của tương lai

MARÉCHAL PÉTAIN

Ô-TÔ NHÀ LẤU,

CÁI MỘNG ĐÓ

SẼ THÀNH SỰ THỰC

NẾU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ ĐỒNG PHÁP (1\$)

Trích thuật sách bao

TRONG ĐỨC

Sự thờ cúng tiên thánh của người An-Nam

(Theo Ông Nguyễn văn Huyền trong cuốn « Le culte des Immortels en Annam » do trường Bác-Cổ xuất bản — 1944).

Cũng như nhiều dân-tộc khác, trước sự ngần ngại của đời người, dân-tộc An-nam khát-vọng một cuộc đời bất-tử và tin rằng bên kia thế-giới này, ở tận những bờ bến xa xôi nào hay ở tận những tầng mây cao tít có một thế-giới khác dành cho những bậc có điểm phúc, tiên và thánh, sống trên núi xanh, hay trong những đền đài vàng ngọc chung quanh có vườn đào và mây ngũ sắc bao phủ.

Trong sự thờ cúng tiên thánh đó họ có chịu ảnh hưởng của Trung - quốc (sự thờ bát tiên chẳng hạn) nhưng, trái với sự thờ Phật hay thờ Khổng-tử, ở đây có một phần đặc-biệt của người An-nam. Trong tủ sách của trường Bác-cổ Hà-nội có một-quyển sách nhan đề là *Hội chơn biến* tác giả ký biệt hiệu là Thanh Hòa-tử, xuất-bản năm thứ bảy đời Thiệu-trị (1847), đó tức là một quyển sổ những bậc tiên thánh đã sinh ra hoặc đã từng sống ở xứ này.

Có khi những bậc ấy chỉ là người nhờ sự làm điều thiện mà trở nên bất tử như *Chử-đồng-tử* và *Tiên-dung*, có khi là một vị tiên ở thượng-giới có tội bị đày xuống cõi trần làm kiếp người trong một thời hạn như *Liễu-hạnh*. Lại có những vị tiên hiện xuống trần gian hoặc trong khoảnh-khắc như *Bối-liễn*, như *Thu-ông-hội song tiên*, hoặc đề chung dụng với loài người trong một cuộc nhân-duyên như *Hà-quảng-kiều* với *Tử-Uyên*, như *Guang-hương* cùng *Từ Thúc*.

Rồi đến những vị chân-nhân chốn cuộc đời đi tu ẩn ở nơi rừng núi luyện thuốc trường-sinh, như vị chân-nhân ở núi *Na-son*, như *Huyền-vân*, *Thông-huyền*, *Thành-đạo-tử*.

Người An-Nam rất sùng bái, ngưỡng mộ các vị tiên thánh đó. Sự thờ cúng này phát hiện trước hết ở sự truyền tụng và phụ-diễn những truyện thần kỳ trong từng địa phương. Mỗi miền hoặc nhận riêng lấy một vị nào hoặc thêm thắt một vài việc hiên linh trên đất của mình. Như về *Chử-đồng-tử* chẳng hạn có khi người ta gán cho người một bà vợ hai, có khi vị đạo tồ đó lại là một lang-y cứu thế. Thế nhưng một khi dân ta tiến xuống miền Nam, ta lại thừa nhận cả các vị thần tiên của những bản dân, người Chăm, người Môn, cũng như của những thổ-dân vùng thượng-du Bắc-kỳ.

Sự tin thần thánh đó không những được truyền-tụng qua không gian, từ Cao-Bằng xuống tận Hà-Tiên, mà cũng lưu truyền qua thời gian nữa. Cho nên mỗi giai-đoạn quan trọng của lịch sử, mỗi thời đại hưng thịnh lại được tô điểm bằng một việc hiên linh của tiên thánh. Như đời nhà *Lý* có *Thông-Huyền*, đời *Trần* có *Huyền-Vân*, *Từ Thúc*; đời *Lê* có *Tú Uyên* và *Giáng-Kiều*, có *Liễu-Hạnh*, có những cuộc gặp gỡ dị kỳ của Thánh-Tôn với *Bối-Liễn* của *Hiền-Tôn* với *Song-Tiên*, v. v... Sự truyền-tụng về thần thánh qua thời gian hay không gian càng rõ rệt với truyện vị Chân-nhân của dãy núi *Hồng-Linh* là *Phạm-Viên*. Vị này là con một ông nghề ở *Nghệ-An* tu đắc đạo vào đời nhà *Lê*, khoảng giữa thế-kỷ thứ XVII. Ở khắp nơi, qua khắp các thời đại người ta kể rất nhiều giai-ti loại về vị chân nhân có tung-tích dị kỳ đó.

Đồng thời với sự truyền-tung, sự xuyên tạc những câu truyện thần tiên, người An-Nam xây dựng biết bao nhiêu là đền là miếu thờ cúng các vị bất tử. Trong thành phố Hà-nội chẳng hạn ta có thể kể vài ngôi như *Bích-Cầu đạo quán* ở vùng Giánm, dựng ngay chỗ nhà học của Tú Uyên xưa; *Ngọc-Hồ tự* ở đường Sinh-tử là nơi Tú Uyên gặp Giáng-kiều và Lê-thánh-tôn gặp Bối-Liên; *Vọng-tiên quán* ở phố hàng Bông là nơi Bối-Liên bay về trời.

*

Nói tóm lại các bậc tiên, thánh chiếm một địa vị chủ yếu trong những tín-nguỡng của người An-Nam. Đã từ bao nhiêu thế-kỷ nay, với cuộc đời phi-thường đầy những quyền phép màu nhiệm và những hạnh phúc mà trần gian hằng khát vọng các vị đó là những tấm gương sáng và là những nguồn hy-vọng cho tất cả mọi người trong cơn đau khổ cũng như trong lúc yên vui.

Vì phong-thổ xứ này vì nững tai ương xảy ra có định kỳ, vì nề lễ giáo nghiêm khắc và khô-khan, vì sự biệt lập của những đoàn thể xã-hội như gia-đình làng-mạc, một phần lớn văn-chương Việt-nam tiêm-nhiễm một mối buồn man mác nhớ nhung mong đợi một kiếp rạo được tới những non-bồng nước nhược là nơi tụ hội của thiên tiên.

Rất nhiều thơ, ca tán tụng những bậc siêu-nhân đã vượt được ra ngoài cái khuôn-khố của Nho-giáo, trốn tránh cuộc đời, để tu-hành nhập định và nhờ đó mà đắc đạo. Vì dù không có sự kết án khắt-rigliệt của nhà nho thì tất cả cái thế-giới huyền diệu kia có lẽ mang lại cho Nghệ-thuật Việt-Nam một nguồn cảm hứng phong-phú bao nhiêu và nhờ đó, biết đâu qua lịch-sử lại chẳng xuất-khởi vài « cuộc phi-đuợc của cá nhân tới sự trùng tân và sáng tạo ».

Dẫu sao, trí tưởng-tượng của dân chúng không phải chỉ thừa nhận những tiên thánh của Trung-quốc mà từ xưa những người cầm quyền vẫn lợi dụng làm quy tắc đề tĩg-trị, mà còn tạo tác hay phát minh những vị bất tử đã sinh hay đã liện trên giải đất này.

Nhờ việc khảo-cứ sự thờ cúng này, cũng như những tín-nguỡng khác, một ngày kia người ta có thể chứng tỏ cai chức-vụ của dân tộc Việt Nam ở cõi Á-Đông trong sự cấu tạo những khái-niệm về tôn giáo và những đề-mục về văn chương.

Dân-tộc này không phải chỉ có việc bắt chước nô-lệ Trung-quốc, họ đã tự gây lấy một cuộc sinh hoạt riêng mà qua lịch sử họ hằng tái tạo bằng những tài liệu mới mẻ rập theo ít nhiều những quy-phạm của quốc-gia.

*

Những sách dạy về văn-phạm của tiếng an-nam

(theo L. Cadière trong tạp-chí *Indochine* số 216 — ngày 19 Octobre 1944)

Ta đừng tưởng rằng xưa kia không có những sách tốt để học tiếng an-nam. Có những tác-phẩm không mang tên đó nhưng tốt vô cùng.

Bắt đầu quyền Tự-vị của Cha *de Rhodes* có một phần nhan đề là « *Brevis declaratio* » đến ngày nay người ta đọc cũng còn có lợi. Đó là cuốn văn-phạm an-nam đầu tiên, không dài, 31 trang, nhưng biết bao nhiêu là điều chỉ-giáo. Không ngoa, ở đây điều nào cũng đúng, đúng cho thời-đại xưa tất nhiên, vì có nhiều lời giảng giải về những tiếng dùng thay những đại-danh-từ chẳng hạn ngày nay không còn giá trị nữa... Cha *de Rhodes* đã bản đến thanh âm tiếng quốc ngữ từ ba trăm năm trước trung-úy *Dubois*.

Lại còn chương « *Proœmium* » trong Tự-vị của Cố *Taberd* ! Đó cũng là một tài-liệu phong-phú, nhất là những trang nói về những phụ-ngữ và đại-danh-từ....

Rồi sau ông *Aubaret* có theo bản khái-luận về phụ-ngữ đó trong cuốn « *Vocabulaire français-annamite* » (Pháp-Việt từ-diện — 1861) và cuốn « *Grammaire annamite suivie d'un vocabulaire français-annamite et annamite-français* » (Văn-phạm an-nam phụ thêm một phần tự vựng pháp-việt và việt-pháp — 1867), nhưng ông đã tóm lược nhiều quá và thỉnh thoảng dịch nhầm hay hiểu nhầm vài tiếng của Cố *Taberd*.

Nhưng trong tập «*Notions*» Cố Caspar đã áp dụng một cách thông minh thiển «*Précium*» đó. Những sách học về sau cũng theo nó nhưng một cách giản tiếp hơn.

Một tác giả khác có tài và rất có công với những người «An-Nam-lê» đầu tiên là *Pétrus Trương-vĩnh-Kỳ* hay cũng gọi *Pétrus Kỳ*. Đó là một người đầu tiên đã viết một cuốn Văn-phạm đầy đủ. Những tập của Cha de Blacdes, Cố Taberé, của Aubaret đều rất ngắn. Tập «*Abtégé de Grammaire Annamite*» (Việt-Nam văn-phạm toát-yếu) đầu tiên của ông, 1867, hơi sơ lược, 131 trang. Nhưng lần tái bản năm 1883 nó dài hơn, 304 trang. Cuốn «*Notions*» của Cố Caspar xuất bản năm 1878, nghĩa là trước tập tái bản đó vài năm, nhưng trong cuốn này những qui-tắc về văn-phạm giản-lược quá; nói cho đúng nó chỉ là một bản sưu tập những tiếng xếp thứ tự theo vần-chất và cách dùng. Bản «*Grammaire de la langue annamite*» (Văn-phạm của tiếng An-nam) của *Pétrus Kỳ* mới thực là một cuốn văn-phạm cho những quy-tắc về ngôn-ngữ và một cách đầy đủ. Xong, đầy đủ quá, đó là cái tật của nó. Về những thí dụ thì nó cũng phong-phú như tập «*Notions*» của Cố Caspar và sau nữa là tập «*Cours*» của Cléon. Nhưng về quy-tắc thì nó có nhiều quá.

Là vì Trương-vĩnh-Kỳ đã theo đúng những cuốn văn-phạm Pháp mà đem vào văn-phạm An-nam tất cả những loại tiếng, tất cả những bộ-phận của văn-từ, tất cả những qui-thức về văn-pháp. Trước ông chẳng hạn không một tác giả nào đi đến quán-từ (*l'article*) trong tiếng an-nam. Thế mà Trương-vĩnh-Kỳ đã tìm thấy một định quán-từ (*article défini*) tức là tiếng «*cái*» và tự đó tất-nhiên ông phải tìm ra một bất-định quán-từ (*article indéfini*), đi đôi với nó, bất-định quán-từ đó chỉ là sự bỏ tiếng *cái* đi. Và rồi với tiếng quán-từ mạo-xưng đó, ông đặt nó khắp nơi như: *cái con người*, *cái đứa con trai*, *cái cây dù* v. v. ... Thật là ngược hẳn với những tác-giả văn-phạm an-nam từ trước họ đã

giảng rất rõ-ràng về những trường-hợp dùng tiếng *cái*.

Mặc dù sự phát-minh kia rất được hoan nghênh ở những tác-giả văn-phạm an-nam tới sau. Sự thực không phải ở những tác-giả người Pháp, họ đã biết thế nào là quán-từ và chức-vụ của nó trong văn-phạm Pháp, mà nhất là ở những tác-giả văn-phạm viết bằng tiếng an-nam. Thế rồi mà quán-từ chẳng thế. Điều đáng phàn nàn là đến ngày cả một tác-giả lão-luyện về văn-phạm như ông *Grammont* cũng chịu ảnh-hưởng của thuyết kia và tin rằng tiếng *cái* đang trở nên một quán-từ. Ông nhầm chỉ vì lẽ ông đã căn cứ vào những tác-phẩm của Trương-vĩnh-Kỳ để học tiếng an-nam.

Muốn cho việc khảo-cứu tiếng an-nam được phân-minh, cần phải đính chính lại những ý-kiến sai-nhầm đó.

Còn nhiều thí dụ khác nữa nhưng ở đây không phải chỗ của một bài học văn-phạm. Người ta nên chú ý rằng khi làm một cuốn văn-phạm an-nam người ta không nên bắt-chước nô-lệ những văn-phạm Âu-tây. Vả biết như thế cũng có điều tốt về phương-diện sa-phạm cho những người học tiếng an-nam và cả cho những thiếu niên an-nam họ đều đã quen với sự phân chia những yếu-tố của ngữ-pháp, những qui-tắc văn-phạm của ngôn ngữ Tây-phương. Nhưng mặc dầu cái lợi thực dụng đó, thiết tu ông trong sự biên-tập một cuốn Văn-phạm hay một quyển sách dạy tiếng an-nam, nếu người ta muốn cho kẻ khác lĩnh-hội được cái bản-chất thực của tiếng an-nam nếu người ta muốn làm cho người Âu-tây tự tin ông được theo lối an-nam, thì người ta phải căn-cứ hẳn vào tiếng an-nam, vào cách cấu-tạo thực thể của nó, và không nên luận nó như lột theo những ngôn ngữ Âu-tây về yếu-tố cũng như về quy-tắc văn-phạm.

Dấu sao sách của ông *Pétrus Kỳ* vẫn có nhiều giá trị và rất có ích cho những ai muốn thân với người An-nam. Con ông, là Trương-vĩnh-Tổng,

(Xem tiếp trang 27)

Quyền hạn của Lập Pháp Viện

(Tiếp theo trang 6)

Một bản dự án đã được đưa ra thảo luận thì bắt buộc phải đọc qua ba lần, trừ những trường hợp đặc biệt. Lần đọc thứ nhất tác giả phải giải bày lý do. Nếu các ủy viên khác cần phải hỏi thêm cho rõ nghĩa, thì có thể yêu cầu tác giả biện minh thêm. Sáu đó, sẽ có một cuộc thảo luận đại cương, rồi Viện sẽ đầu phiếu quyết nghị có nên hay không nên đọc lại một lần thứ hai. Dự án nào mà không được đọc lại lần thứ hai tức coi như là bị phế bác.

Nếu dự án xét ra đáng đọc lại lần thứ hai, thì hôm sau sẽ đọc lại và ở những trường hợp cần kíp thì có thể đọc lại càng trong một ngày. Lần đọc thứ hai này, thì bản dự án sẽ đem đọc thông thảo, từng điều một. Trong khi ấy, thì các ủy viên có quyền can thiệp, yêu cầu tu chính. Đọc xong lần thứ hai thì dự án sẽ giao cho các ủy ban chuyên môn (viện có những ủy ban chuyên môn như là pháp-luật ban, tài chính ban, quân sự ban, ngoại giao ban) để biên thảo lại. Rồi đến ngày hôm sau, thì đọc lại lần thứ ba. Trong khi đọc này thì Viện chỉ có thể chữa những chữ, những câu về hình thức văn từ. Rồi Viện sẽ nghị quyết (D. 39 — 50 quy tắc nghị sự).

Đại khái, mỗi đạo luật là phải trải qua ba lần đọc như thế rồi mới đưa ban bố.

Sơ với những chế độ hai viện, thì ở đây sự thảo luận nhanh hơn. Nhưng tựu trung ta cũng nhận thấy rằng mỗi đạo luật phải trải qua hai lần đầu phiếu: lần thứ nhất, sau hôm đọc qua lần đầu, và lần thứ hai khi đã thảo luận xong. Đó cũng là một cách dung hòa lợi thiệt: để cho việc làm luật vừa được nhanh chóng mà lại vừa cần thận.

Quyền tài chính. — Kể về nguyên tắc thì tài chính cũng thuộc về quyền lập-pháp. Là vì thuế khóa là nguồn gốc của tài chính quốc gia đều do pháp luật định. Nhưng thực tại, tài chính chiếm một địa vị rất quan trọng trong cuộc sinh tồn của quốc gia, nên người ta đã chú trọng một

cách đặc biệt về những đạo luật tài chính, nhất là đạo luật thường niên ngân sách. Nghị viện các nước dân chủ thường đã sử dụng quyền ưng chuẩn ngân sách như một lợi khí tối quan trọng để điều khiển chính trị, là vì Nghị Viện có ưng chuẩn dự án ngân sách, chính phủ mới có thể đứng được.

Theo lịch sử chính trị các nước, thì quyền tài chính của nghị viện xuất hiện trước quyền lập pháp, và cũng vì các vị đế vương cần tài chính mà phải hiệu triệu đại biểu của dân chúng. Những hội nghị dân biểu đầu tiên của nước Anh, nước Pháp ngày xưa đều xuất hiện bởi duyên do ấy.

Vì những lẽ ấy quyền tài chính vẫn được coi như một quyền thiêng liêng của nghị viện.

Riêng đối với viện, Lập Pháp của Trung quốc quyền ấy có một giá trị đặc biệt. Theo như cách tổ chức hiện thời thì chính phủ không có trách nhiệm đối với Lập Pháp Viện nghĩa là viện không có quyền đầu phiếu tín nhiệm để đánh đổ chính phủ, như ở những nước đại-nghị.

Nhưng tuy không có quyền « chính trị » ấy, Lập Pháp Viện, cũng có thể sử dụng quyền tài chính mà uy hiếp cơ quan hành chính: cách uy hiếp này tuy chỉ là một phương pháp gián tiếp, nhưng rất có công hiệu. **Quyền ngoại giao:** Về những vấn đề ngoại giao quan trọng như tuyên chiến, giảng hòa v. v., Lập Pháp Viện cũng có quyền định đoạt như nghị-viện của các nước dân chủ. Như ở Pháp, những hiệp ước quan trọng, phải có nghị-viện ưng thuận, thì Tổng Thống mới có quyền ký kết. Ở Bắc Mỹ Thượng Viện (Sénat) cũng có quyền chuẩn, bác những hợp ước của Chính Phủ đề nghị.

Ở thế giới ngày nay, vấn đề ngoại giao đã trở nên rất quan trọng. Sự giao dịch mỗi ngày một tăng, sự đụng chạm mỗi ngày một nhiều. Có khi vận mệnh của quốc gia treo ở đầu giây liên lạc quốc tế, và một sự nhầm lẫn về ngoại giao có thể đưa quốc gia đến bước lạng lạng.

DÂN QUÊ BẮC-KY

(Tiếp theo trang 5)

vào công việc kinh-tế, người ta càng nhận thấy sự ích lợi của một vài người có công-tâm và uy-thế ở trong cơ-quan cai-trị hàng xã.

Một ảnh hưởng hay của đạo dụ ấy nữa là nó đã có khuyến-kích một số viên chức, một số thanh-niên tân-học cùng một số người văn bằng sống ở tỉnh thành tham-dự vào công việc làng họ.

. một số ít làng đã nhờ được đạo dụ ngày 23 Mai 1941 mà có được một vài hay dăm ba người đứng đầu đứng dẫn, Họ đã làm được cho dân-quê những công việc gì ? (1). Với một lớp dân toàn-thể là thất học và đã quen sống trong những thói quen lưu-truyền tự bao nhiêu đời, và nhất là với một lối tổ-chức cai-trị sơ sài và có tính cách một hội của tư-nhân như làng xứ ta bây giờ, ta không thể đợi ở họ những công việc tích-cực lớn lao được. Một lớp học vỡ lòng

(1) Thnah Nghị sẽ mở một cuộc điều tra về việc này

cho trẻ con, một vài con đường sây đắp lại, đó thường là những công việc độc nhất mà họ đã làm được sau khi gặp bao nhiêu sự khó khăn ; những sự tham dự của họ vào việc cai-trị trong làng có ảnh hưởng làm giảm bớt nhiều sự nhũng lạm và hà-hiếp của chức dịch cùng những vụ kiện-cáo vì tức-khí. Từ khi chính-phủ can-thiệp

Nhưng ta phải nhận rằng ngay từ khi ban hành đạo dụ 23 Mai 1941 vẫn có rất ít làng có người đứng đầu như thế ; một phần vì những « phần tử mới » ấy rất hiếm hoi đối với số dân-quê, một phần nữa là sự đi lại khó khăn làm cho nhiều người ở tỉnh ngại không dám đảm nhận lấy công việc cai-trị trong làng. Theo chỗ tôi thấy thì trừ những miền chung quanh tỉnh Hà-nội còn ở các nơi khác, mỗi phủ huyện chỉ có dăm ba làng trong hội đồng có « người mới », còn ở tất cả những làng khác thì tiên-thứ chỉ cùng nhân viên hội đồng vẫn là những kỳ-mục cũ... (Còn nữa)
T. P.

Lấy lẽ ấy mà giao quyền định đoạt những vấn đề ngoại giao quan trọng cho nghị viện là phải.

Nhưng trái lại, có khi chỉ vì không điều đồng. tình về chính sách nội trị của chính phủ mà nghị Viện bác cả chính sách ngoại giao : gương hiệp ước Quốc Liên của Tổng Thống Wilson còn đó. Cho nên san sẻ quyền ngoại giao cho chính phủ và nghị viện làm sao cho đúng mực, đó là một vấn đề mà nhà lập hiến phải lưu tâm.

Về phương diện này, hiến pháp Trung Hoa cũng tỏ vẻ đề đặt điều 27 đạo luật tổ chức Quốc Dân chính phủ mới : « Lập Pháp Viện hữu nghị quyết... Tuyên chiến án, giảng hòa án *cấp kỳ tha trọng yếu quốc tế sự hạng* chi chức quyền » : ngoài sự *tuyên chiến và giảng hòa* là hai vấn đề tối quan trọng cần phải nói rõ, những vấn đề ngoại giao khác cần phải có Lập Pháp Viện can thiệp đều đặt dới một dung từ rộng rãi, viên vòng là

« trọng yếu » : biết thế nào là trọng yếu hay không ? sự cân nhắc phải căn cứ vào thời cục, mỗi khi một thay đổi, đề cho người đương đạo có tự do mà xoay xỏa với tình thế, không bị câu thúc ở trong một quý lệ hẹp hòi.

PHAN ANH

NHÀ SÁCH

NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

62, phố Maréchal Foch — Dalat

——*

BÁN BÁO CHÍ SÁCH VƠ

NHẬN ĐÓNG SÁCH

NHỮNG NGHE TỰ DO

(Tiếp theo trang 4)

cho đến khách « công danh » chờ dịp bay nhây, từ kẻ lười thời không gặp vận, đến kẻ muốn lập chí « rút ruột tang bồng giả nợ cơm », đều mượn nghề dạy học tư làm một sinh-kê dễ dàng và tiện lợi ! Sự thực thì nghề đó cũng không đến nỗi vất vả gay như nghề viết văn và đời sống của một ông giáo lãnh nghề và tận tâm thường không bị thiếu thốn lắm. Nhưng thật là một nghề mệt nhọc và... bấp bênh vì những tháng « rỗng », trừ một số ít người có tài đặc biệt và được trọng vọng. Thành ra nghề này ở vào tình cảnh không thể nói được là tốt đẹp, và thường chỉ được coi là một nghề tạm thời để giải quyết vấn đề sinh sống. Về phương diện ấy nó lại kém nghề viết văn tuy bạc bẽo về vật chất nhưng có khi vẫn làm ham mê được kẻ yêu nghề.

Nói rút lại các nghề tự do ở xứ ta hãy còn ở vào một tình-trạng eo hẹp và thấp kém lắm, không đủ hiển được những sinh-kê rồi rào và có cơ vững chãi cho kẻ muốn lập chí và sống ngoài vòng cương tỏa. Tình

trạng ấy gây bởi những nguyên nhân gì ? Những nguyên nhân ấy sẽ biến đổi hay không ? Có thể dùng những phương sách gì để nâng cao tình trạng những nghề tự do ? Tôi sẽ nói đến những điểm đó trong kỳ sau.

VŨ BÌNH HÒE

= TRÍCH THUẬT SÁCH BÁO =

(Tiếp theo trang 24)

đã cho xuất bản lại cuốn văn-phạm của ông, đó là điều rất nên. Nhưng như thế không phải là ta không nên nêu ra con đường lầm lạc trên đây và tất cả các tác giả, nhất là tác giả người An-nam, nên cực lực chống lại những thuyết sai lầm đó.

A. Meillet đã nói rất đúng : « Các tác-giả văn phạm đã có lỗi khi họ cho những qui-thức văn phạm của các thứ ngôn-ngữ khác nhau cùng những tên chung, và khi họ cố xây dựng văn pháp của các thứ ngôn-ngữ khác nhau cùng theo một phương-hoạch ; như vậy họ đã truyền bá những tư tưởng sai lầm. »

TRỌNG ĐỨC

Trong số 11 Novembre 1944

- Những nghề tự do (Tiếp theo)
- Quyền hành chính trong Hiến-pháp Trung-hoa
- Sử liệu : Những con số với sự khảo cứu lịch sử
- Điều tra nhỏ : Một đồn điền giồng cà-phê ở Sơn Tây
- Lên đồng Huế
- Hạn đọc viết : Những bước đầu của nhạc sĩ Việt-nam
- Lá thư (Truyện ngắn của Somerset Maugham) (Tiếp theo)
- Lối vũ (Bi kịch của Tào Ngự) (Tiếp theo)

VŨ BÌNH HÒE
PHAN ANH
NGUYỄN THIỆU LÁU
V. H.
MAI ANH
VĂN HOA
LÊ BÌNH CHAN dịch
BẮNG THAI MAI dịch

VIỆT HÁN

TỰ VẠNG

彙字漢越

— Trên tiếng Ta, dưới chữ Hán, soạn theo alphabétiques không thiếu tiếng nào

— Sách dày 400 trang bằng giấy tây —

Hạng tốt 20\$00

Hạng vừa 50\$00

— Về vấn đề giấy và công việc in rất khó khăn, nên phải lấy commandes trước để định số in.

— Ngai nào muốn mua phải đặt trước (sẽ được trừ 20%).

Hết tháng Janvier sẽ có sách

Thư và ngân phiếu xin gửi cho :

M. NGUYỄN DI LUÂN

Directeur du Nam-thiên-thư-cục

— 37, Rue des Pipes à Hanoi —

MỚI XUẤT BẢN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông-phương / lạ nhất nhân loại)

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

*

Giấy thường. 30\$00

Giấy dó, hộp lụa 75\$00

Giấy Bạch-minh-châu, hộp gấm (hết) . . 200\$00

(Cước gửi 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi :

NHÀ IN MAI LĨNH HANOI

NHÀ XUẤT BẢN "THỜI ĐẠI"

214 - Hàng Bông - Hanoi

BA CUỐN SÁCH SẴP RA

LO TAN

ĐẶNG THÁI MAI

TRƯỜNG CA

XUÂN DIỆU

HỘI THO'TAN

NGUYỄN HỒNG

CÒN MỘT ÍT

VANG BÔNG MỘT THỜI

của NGUYỄN TUÂN

NGẠM NGÃI TÌM TRẦM

của THANH TỊNH

HANOI — NHÀ SÁCH LỬA HỒNG- 92 SINH TỬ

Thư và ngân phiếu đề cho C. Ng. hữu Đĩnh

18 Octobre sẽ có bán

DÔNG VONG

SÁCH HÁT CỦA HOÀNG QI

Tập I, II, III (tái bản làm một cuốn)

Bìa hai màu do họa sĩ Mạnh Quỳnh trình bày

Giá 2\$50

Còn một ít

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

Ba cuộc nói chuyện của Đặng ngọc

Tổt, Dương đức Hiền, Nguyễn đình Thi

Giá 1\$50

ĐỒNG VỌNG

Tập IV (in lần thứ nhất) Giá 1\$00

— Cùng các đại lý miền Trung và Nam —
Vì đường giao thông chưa tiện lợi, nhà giấy thép chưa nhận hàng gửi. Xin耐心 chờ ít lâu

AUTORISÉ PAR ARRÊTÉ DU GOUVERNEUR GÉNÉRAL DU 1^{er} MAI 1939 N° 3089

Directeur gérant : VŨ ĐÌNH HÒE — Fondateur : ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. spéciale du THANH-NGHI